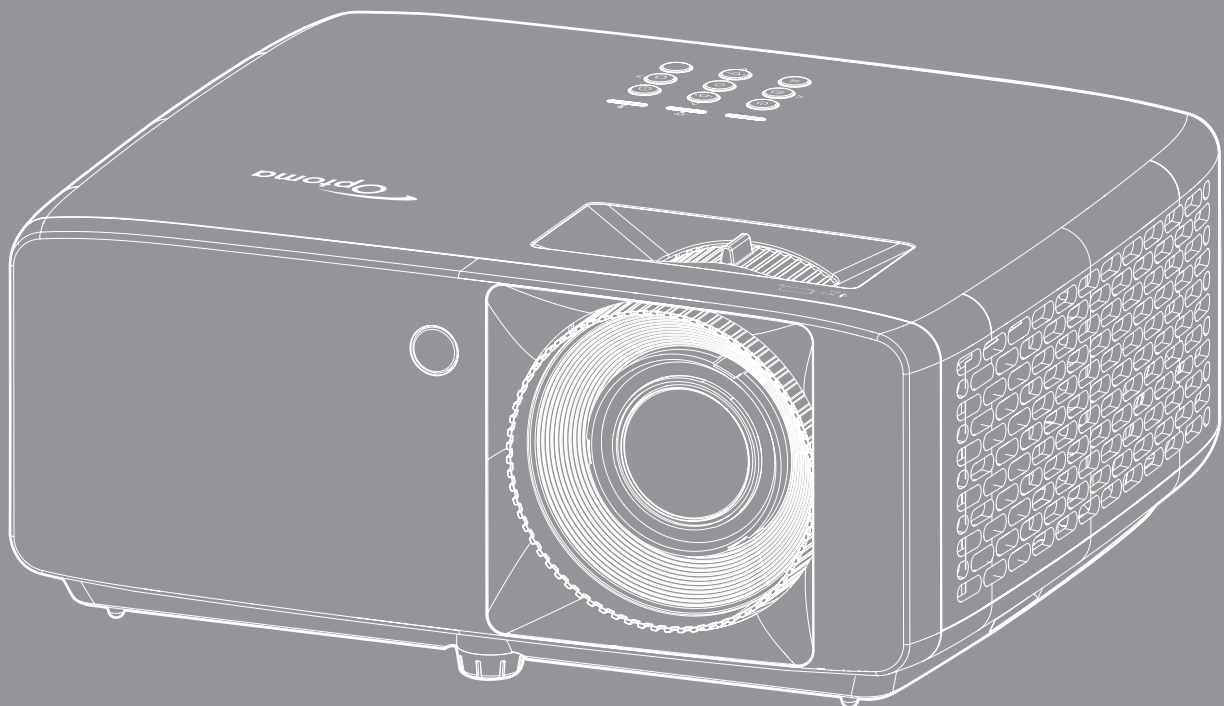
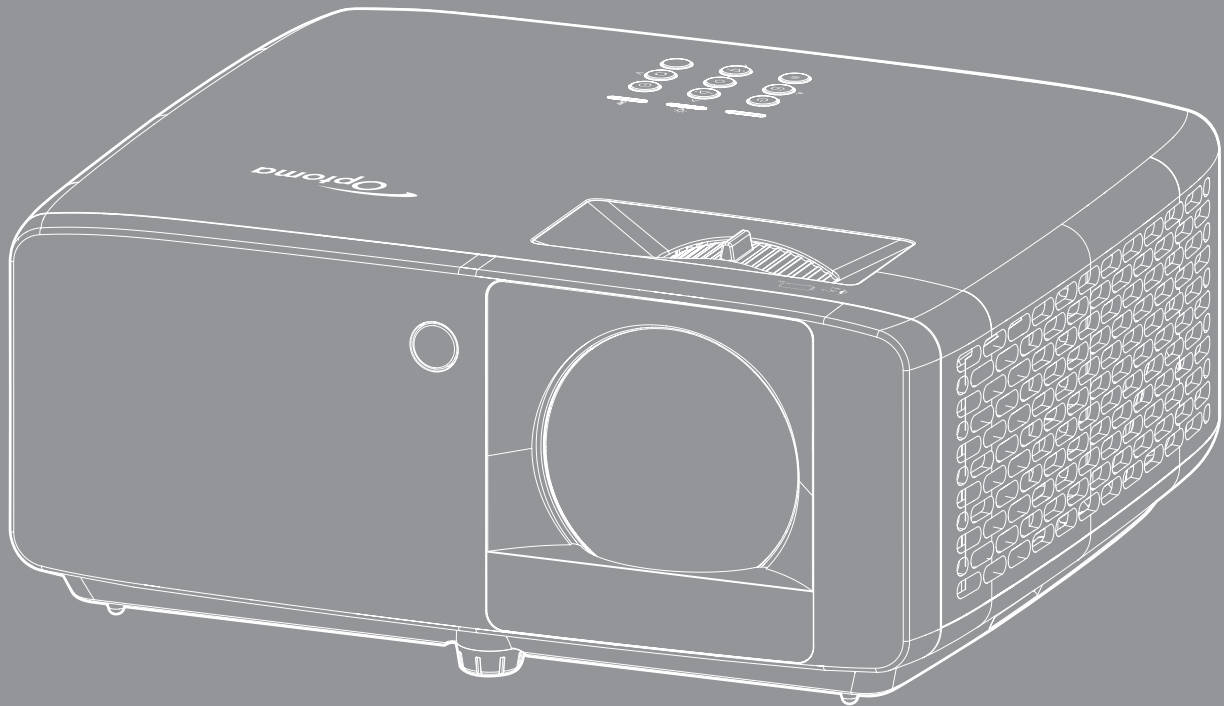




Máy chiếu DLP®



Sổ hướng dẫn sử dụng

HDMI
HIGH DEFINITION MULTIMEDIA INTERFACE

DLP
TEXAS INSTRUMENTS

3D
Full

MỤC LỤC

AN TOÀN 4

Hướng dẫn về an toàn quan trọng	4
Thông tin an toàn bức xạ laser.....	5
Bản quyền	7
Khước từ trách nhiệm.....	7
Nhận biết thương hiệu	7
FCC	7
Tuyên bố tuân thủ quy định của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu.....	8
WEEE.....	8
Lau ống kính.....	8

GIỚI THIỆU 9

Tổng quan về gói sản phẩm	9
Phụ kiện chuẩn.....	9
Tổng quan về Sản phẩm	10
Các đầu nối	11
Bàn phím	12
Điều khiển từ xa	13

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT 14

Lắp đặt máy chiếu	14
Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu.....	16
Điều chỉnh Hình ảnh chiếu	17
Thiết lập điều khiển từ xa	19

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU 21

Bật/tắt nguồn máy chiếu.....	21
Chọn nguồn vào	22
Điều hướng menu và các tính năng	23
Sơ đồ menu OSD	24
Menu chế độ hình ảnh.....	30
Menu dải rộng hình ảnh.....	30
Menu độ sáng hình ảnh.....	30
Menu độ tương phản hình ảnh	31
Menu độ sắc nét hình ảnh.....	31
Menu gamma hình ảnh.....	31
Menu cài đặt màu sắc hình ảnh	31
Menu màu tường hình ảnh	31
Menu 3D hình ảnh.....	32
Menu thiết lập lại hình ảnh	32
Menu Vị trí chiếu hiển thị.....	33
Menu chế độ nguồn sáng hiển thị	33
Menu mức đen rộng hiển thị.....	33

Menu chế độ chơi game hiển thị	33
Menu loại màn chiếu hiển thị	33
Hiển thị menu Tỷ lệ khung hình	34
Hiển thị menu hiệu chỉnh hình học	37
Hiển thị menu zoom số	37
Hiển thị menu Dịch chuyển hình ảnh	37
Menu thiết lập lại hiển thị	37
Menu thiết lập mẫu thử	38
Menu thiết lập ngôn ngữ	38
Menu thiết lập cài đặt	38
Menu thiết lập tăng tốc quạt	38
Thiết lập menu Tùy chỉnh lọc	38
Menu thiết lập tùy chỉnh nguồn	39
Thiết lập menu bảo mật	39
Menu thiết lập logo khởi động	40
Menu thiết lập màu nền	40
Thiết lập menu cài lại	40
Menu nguồn vào tự động	41
Menu tự động chuyển đổi nguồn vào	41
Menu cài đặt nguồn vào HDMI CEC	41
Menu thiết lập lại nguồn vào	41
Menu Âm lượng	42
Menu Tắt tiếng	42
Menu thiết lập lại âm thanh	42
Menu điều chỉnh ID thiết bị	43
Menu cài đặt điều khiển	43
Menu cài đặt bàn phím	43
Menu điều chỉnh LAN	43
Menu điều chỉnh điều khiển	45
Menu Thiết lập cài đặt kiểm soát mạng	46
Menu thiết lập lại điều khiển	53
Menu thông tin	54

THÔNG TIN BỔ SUNG 55

Độ phân giải tương thích	55
Cỡ hình và khoảng cách chiếu	59
Kích thước máy chiếu và lắp đặt giá treo trần	61
Mã điều khiển hồng ngoại	63
Khắc phục sự cố	65
Chỉ báo cảnh báo	67
Thông số kỹ thuật	68
Văn phòng toàn cầu của Optoma	69

AN TOÀN

	Biểu tượng ánh chớp có đầu mũi tên trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về "điện thế nguy hiểm" không được cách điện trong vỏ ngoài của sản phẩm và độ lớn có thể đủ mạnh dẫn đến nguy cơ điện giật cho người.
	Dấu than trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về các hướng dẫn bảo dưỡng (bảo trì) và vận hành quan trọng trong tài liệu đi kèm thiết bị.

Vui lòng thực hiện theo mọi cảnh báo, thận trọng và bảo dưỡng được khuyến nghị trong sách hướng dẫn sử dụng này.

Hướng dẫn về an toàn quan trọng

- Không chặn các lỗ thông khí. Để đảm bảo hoạt động đáng tin cậy của máy chiếu và để bảo vệ chống quá nhiệt, bạn nên đặt máy chiếu ở vị trí không chặn lỗ thông khí. Ví dụ, không đặt máy chiếu trên bàn cà phê, ghế sofa, giường, v.v. chật chội. Không đặt máy chiếu ở nơi bí như giá sách hoặc ngăn kéo hạn chế luồng khí.
- Để giảm nguy cơ cháy và/hoặc điện giật, không để máy chiếu dính nước hoặc hơi ẩm. Không đặt gần các nguồn nhiệt như bộ tản nhiệt, máy sưởi, lò sấy hoặc bất kỳ thiết bị nào khác như bộ khuếch đại có tỏa nhiệt.
- Không để đồ vật hoặc chất lỏng lọt vào máy chiếu. Chúng có thể chạm vào các điểm điện thế nguy hiểm và làm ngắn mạch các bộ phận có thể dẫn đến cháy hoặc điện giật.
- Không sử dụng trong các điều kiện sau:
 - Trong môi trường nóng, lạnh hoặc ẩm khắc nghiệt.
 - (i) Đảm bảo nhiệt độ xung quanh phòng là 0°C ~ 40°C
 - (ii) Độ ẩm tương đối lên tới 80%
 - Ở khu vực dễ có nhiều bụi bặm.
 - Gần một thiết bị phát ra từ trường mạnh.
 - Dưới ánh nắng trực tiếp.
- Không sử dụng thiết bị nếu nó đã bị hỏng hoặc lạm dụng về mặt vật lý. Hư hỏng/lạm dụng vật lý có thể là (nhưng không giới hạn ở):
 - Thiết bị đã bị rơi.
 - Dây nguồn hoặc phích cắm bị hỏng.
 - Chất lỏng bị đổ vào máy chiếu.
 - Máy chiếu bị dính nước mưa hoặc hơi ẩm.
 - Một số vật rơi vào trong máy chiếu hoặc một số chi tiết bên trong bị lỏng.
- Không đặt máy chiếu trên bề mặt không ổn định. Máy chiếu có thể rơi và gây chấn thương cho mọi người hoặc máy chiếu có thể bị hỏng.
- Đừng che kín ánh sáng thoát ra từ ống kính máy chiếu khi đang hoạt động. Ánh sáng sẽ làm nóng vật dụng và có thể nóng chảy, gây bỏng hoặc phát cháy.
- Vui lòng không mở hoặc tháo rời máy chiếu vì việc này có thể dẫn đến điện giật.
- Không cố tự bảo dưỡng thiết bị. Mở hoặc tháo vỏ có thể làm bạn bị điện giật hoặc gặp rủi ro khác. Vui lòng liên hệ với Optoma trước khi bạn gửi thiết bị để sửa chữa.
- Xem vỏ ngoài của máy chiếu để biết các ký hiệu liên quan.
- Thiết bị chỉ được sửa chữa bởi nhân viên bảo dưỡng ủy quyền.
- Chỉ sử dụng phụ tùng/phụ kiện do nhà sản xuất chỉ định.

- Không nhìn thẳng vào ống kính máy chiếu trong khi sử dụng. Ánh sáng chói có thể làm mắt bạn bị tổn thương.
- Máy chiếu này sẽ tự phát hiện tuổi thọ đèn.
- Khi tắt máy chiếu, vui lòng đảm bảo hoàn tất chu kỳ làm mát trước khi ngắt điện. Chờ 90 giây để máy chiếu nguội.
- Tắt máy và rút phích cắm khỏi ổ cắm AC trước khi lau sản phẩm.
- Dùng khăn khô mềm với chất tẩy rửa nhẹ để lau hốc hiển thị. Sử dụng các chất tẩy rửa ăn mòn, chất sáp hoặc dung môi để vệ sinh thiết bị.
- Ngắt phích cắm khỏi ổ cắm AC nếu không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài.
- Không lắp đặt máy chiếu ở những nơi có thể bị rung động hoặc va đập.
- Không chạm vào ống kính bằng tay trần.
- Tháo (các) cục pin ra khỏi điều khiển từ xa trước khi cất giữ. Nếu (các) cục pin vẫn để lại trong điều khiển từ xa trong thời gian dài, chúng có thể rò rỉ.
- Thay thế loại pin không chính xác có thể làm hỏng hệ thống bảo vệ.
- Bỏ pin vào lửa hoặc lò nóng, hay nghiền, đập hoặc cắt pin có thể gây cháy nổ.
- Để pin ở môi trường có nhiệt độ cao có thể gây nổ hoặc rò rỉ dung dịch hoặc khí dễ cháy; và pin ở nơi có áp suất không khí thấp có thể gây nổ hoặc rò rỉ khí dễ cháy.
- CHÚ Ý: Nguy cơ nổ hoặc cháy nếu thay thế loại pin không thích hợp.
- Không sử dụng hoặc cất giữ máy chiếu ở những nơi có thể xuất hiện khói từ dầu hoặc thuốc lá, vì khói có thể ảnh hưởng bất lợi đến chất lượng hoạt động của máy chiếu.
- Hãy tuân thủ cách lắp đặt hướng máy chiếu thích hợp vì lắp đặt không quy chuẩn có thể ảnh hưởng đến hiệu suất máy chiếu.
- Sử dụng bộ ổ cắm điện và/hoặc bộ chống sốc điện. Vì sự cố cúp điện và nguồn yếu có thể LÀM HỎNG các thiết bị.

Thông tin an toàn bức xạ laser

- Sản phẩm này được phân loại là sản phẩm laser tiêu dùng và tuân thủ theo IEC - 60825-1:2014, EN 60825-1:2014/A11:2021 và EN 50689:2021, đồng thời tuân thủ với 21 CFR 1040.10 và 1040.11 theo Nhóm rủi ro 2. LIP (Laser Illuminated Projector - Máy chiếu được chiếu sáng bằng laser) được định nghĩa trong IEC 62471-5:Ed.1.0. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Thông cáo Laser Số 57, ngày 8 tháng 5 năm 2019.

IEC 60825-1:2014, EN 60825-1:2014+A11:2021, EN 50689:2021 CLASS 1 CONSUMER LASER PRODUCT RISK GROUP 2, Complies with 21 CFR 1040.10 and 1040.11 except for conformance as a Risk Group 2 LIP as defined in IEC 62471-5:Ed.1.0. For more information see Laser Notice No. 57, dated May 8, 2019.
IEC 60825-1:2014 等級1雷射產品RG2危險等級
IEC 60825-1:2014 1類激光產品RG2危險等級



"WARNING: MOUNT ABOVE THE HEADS OF CHILDREN."
Additional warning against eye exposure for close exposures less than 1 m.
"AVERTISSEMENT : INSTALLER AU-DESSUS DE LA TÊTE DES ENFANTS."
Avertissement supplémentaire contre l'exposition oculaire pour des expositions à une distance de moins de 1 m.
「警告: 安裝在高於兒童頭部處」 針對1m以下近距離眼睛接觸的額外警告
「警告: 安裝在高於孩童頭頂處」 關於小於1m近距離眼睛暴露的附加警告

- Giống như mọi nguồn sáng khác, không được nhìn thẳng vào chùm tia sáng trực tiếp, RG2 IEC 62471-5:2015.
- Máy chiếu này là sản phẩm laser tiêu dùng cấp độ 1 theo tiêu chuẩn IEC/EN 60825-1:2014/A11: 2021 và nhóm rủi ro 2 theo yêu cầu của IEC 62471-5:2015.
- Giám sát trẻ nhỏ: không được nhìn thẳng và tránh sử dụng thiết bị hỗ trợ quang học!

- Thông báo được đưa ra để giám sát trẻ em và không bao giờ cho phép trẻ em nhìn thẳng vào chùm tia sáng của máy chiếu từ bất kỳ khoảng cách nào.
- Thông báo được đưa ra để thận khi sử dụng điều khiển từ xa để bật máy chiếu khi đứng trước ống kính máy chiếu.
- Thông báo được đưa ra cho người dùng để tránh sử dụng thiết bị hỗ trợ quang học như ống nhòm hoặc kính viễn vọng lên chùm tia sáng
- Khi bật máy chiếu, đảm bảo không có ai trong phạm vi chiếu đang nhìn vào ống kính.
- Để bất cứ những đồ vật nào (như kính lúp v.v...) tránh khỏi đường ánh sáng của máy chiếu. Đường ánh sáng được chiếu từ ống kính rất mạnh, nên mọi vật thể lạ đều có thể phản chiếu ánh sáng từ ống kính, gây nên hậu quả khôn lường như cháy hoặc tổn thương mắt.
- Bất kỳ thao tác hay điều chỉnh nào không được chỉ dẫn cụ thể qua sổ tay sử dụng sẽ tạo ra rủi ro phơi nhiễm phóng xạ laser nguy hiểm.
- Không được mở hoặc tháo rời máy chiếu vì điều này có thể gây ra thiệt hại do phơi nhiễm bức xạ laser.
- Không nhìn thẳng vào chùm tia sáng khi máy chiếu đang bật. Ánh sáng này có thể gây thiệt hại mắt vĩnh viễn.

Nếu không tuân thủ quy trình điều khiển, điều chỉnh hoặc thao tác có thể gây ra thiệt hại do phơi nhiễm bức xạ laser.

Bản quyền

Ấn bản này, kể cả mọi hình ảnh, minh họa và phần mềm, được bảo vệ theo các luật bản quyền quốc tế với mọi bản quyền được bảo lưu. Cấm tái bản sổ tay này cũng như bất cứ phần nào chứa bên trong mà không có sự đồng ý bằng văn bản của tác giả.

© Bản quyền 2023

Khước từ trách nhiệm

Thông tin trong tài liệu này có thể chịu sự thay đổi mà không cần thông báo trước. Nhà sản xuất không đưa ra bất cứ tuyên bố hoặc chính sách bảo hành nào đối với các nội dung liên quan và đặc biệt khước từ mọi chính sách bảo hành gián tiếp về tính thương mại hay khả năng tương thích của sản phẩm cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Nhà sản xuất có quyền sửa đổi ấn bản này và thỉnh thoảng thay đổi nội dung liên quan mà không có trách nhiệm thông báo cho bất cứ cá nhân nào về những chỉnh sửa hay thay đổi đó.

Nhận biết thương hiệu

Kensington là thương hiệu đã đăng ký tại Mỹ của ACCO Brand Corporation với các số đăng ký đã được cấp và các ứng dụng đang chờ cấp bằng sáng chế ở những nước khác trên toàn thế giới.

HDMI, Biểu tượng HDMI và High-Definition Multimedia Interface (Giao diện đa phương tiện độ nét cao) là các thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của HDMI Licensing LLC ở Mỹ và các nước khác.

DLP®, DLP Link và biểu tượng DLP là các thương hiệu đã đăng ký của Texas Instruments, và BrilliantColor™ là thương hiệu của Texas Instruments.

Tất cả các tên sản phẩm khác sử dụng trong sổ hướng dẫn này là tài sản của các công ty sở hữu riêng và đã được công nhận.

FCC

Thiết bị này đã được kiểm thử và chứng tỏ tuân thủ các giới hạn đối với thiết bị kỹ thuật số loại B chiều theo Phần 15 của quy định FCC. Các giới hạn này nhằm cung cấp sự bảo vệ hợp lý trước nhiễu sóng có hại trong lắp đặt tại gia đình. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phát ra năng lượng có tần số radio và, nếu không được lắp đặt và sử dụng theo đúng hướng dẫn, nó có thể làm nhiễu sóng có hại đối với liên lạc bằng radio.

Tuy nhiên, không có đảm bảo rằng nhiễu sóng sẽ không xuất hiện ở một cách lắp đặt cụ thể nào. Nếu thiết bị này gây ra nhiễu sóng có hại đối với việc tiếp nhận radio hoặc truyền hình, có thể xác định điều này bằng cách bật và tắt thiết bị, người dùng nên cố khắc phục nhiễu sóng bằng một hoặc các biện pháp sau:

- Đổi hướng hoặc đổi vị trí ăng ten nhận tín hiệu.
- Tăng khoảng cách giữa thiết bị và bộ nhận tín hiệu.
- Cắm thiết bị vào ổ cắm của mạch điện khác với nơi cắm bộ nhận tín hiệu.
- Tham khảo ý kiến của đại lý hoặc kỹ thuật viên radio/truyền hình có kinh nghiệm để được trợ giúp.

Thông báo: Cáp có vỏ bọc

Mọi kết nối tới các thiết bị máy tính phải sử dụng cáp có vỏ bọc để tuân thủ các quy định FCC.

Chú ý

Các thay đổi hoặc chỉnh sửa không được thông qua trực tiếp bởi nhà sản xuất có thể khiến cho người dùng mất quyền sử dụng máy chiếu này vốn được cấp phép bởi Ủy ban Truyền thông Liên bang.

Điều kiện hoạt động

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của quy định FCC. Hoạt động phải tuân theo hai điều kiện sau:

1. Thiết bị này có thể không gây nhiễu sóng có hại và
2. Thiết bị này phải chấp nhận mọi nhiễu sóng được nhận, bao gồm nhiễu sóng có thể dẫn đến hoạt động không mong muốn.

Thông báo: Người dùng Canada

Thiết bị kỹ thuật số loại B này tuân thủ tiêu chuẩn ICES-003 của Canada.

Remarque à l'intention des utilisateurs canadiens

Cet appareil numérique de la classe B est conforme à la norme NMB-003 du Canada.

Tuyên bố tuân thủ quy định của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu

- Chỉ thị EMC 2014/30/EU (bao gồm các sửa đổi)
- Chỉ thị 2014/35/EU về điện thế thấp
- RED 2014/53/EU (nếu sản phẩm có chức năng RF)

WEEE



Hướng dẫn thải bỏ

Không vứt thiết bị điện tử này vào thùng rác khi thải bỏ. Để giảm thiểu ô nhiễm và đảm bảo sự bảo vệ tối đa cho môi trường toàn cầu, hãy tái chế thiết bị này.

Lau ống kính

- Trước khi vệ sinh ống kính, đảm bảo tắt máy chiếu và rút dây nguồn ra để nó nguội hoàn toàn.
- Sử dụng bình khí nén để loại bỏ bụi bẩn.
- Sử dụng loại khăn đặc biệt để lau ống kính nhẹ nhàng. Không chạm tay vào ống kính.
- Không sử dụng chất tẩy rửa có tính kiềm/axit hoặc dung môi dễ bay hơi như cồn để lau ống kính. Nếu ống kính bị hỏng do quá trình lau chùi, nó không được bảo hành.



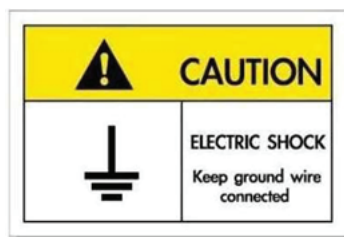
Cảnh báo: Không dùng bình xịt chứa khí dễ cháy để loại bỏ bụi bẩn khỏi ống kính. Điều này có thể gây ra hỏa hoạn do nhiệt quá cao bên trong máy chiếu.



Cảnh báo: Không vệ sinh ống kính nếu máy chiếu nóng lên vì điều này có thể khiến lớp bề mặt ống kính bị bong ra.



Cảnh báo: Không lau hoặc chạm vào ống kính bằng vật cứng.



Để tránh bị điện giật, máy và các thiết bị ngoại vi phải được nối đất đúng cách (đã nối đất).

GIỚI THIỆU

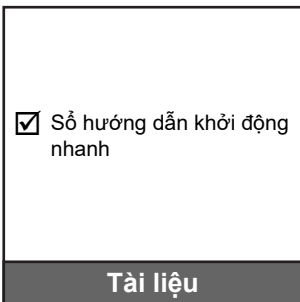
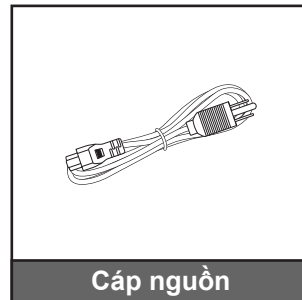
Cảm ơn bạn đã mua máy chiếu laser Optoma. Để biết danh sách tính năng đầy đủ, vui lòng ghé thăm trang sản phẩm trên trang web của chúng tôi. Tại đây bạn sẽ được nhận thêm nhiều thông tin và tài liệu hơn, ví dụ như về các câu hỏi thường gặp.

Tổng quan về gói sản phẩm

Cẩn thận mở hộp đựng và xác nhận là bạn đã nhận các mặt hàng như liệt kê dưới đây thuộc phụ kiện chuẩn. Một số mặt hàng thuộc phụ kiện chuẩn có thể không có sẵn tùy theo mẫu sản phẩm, thông số kỹ thuật và khu vực mua hàng của bạn. Hãy kiểm tra với nơi mua hàng của bạn. Một số phụ kiện có thể khác nhau tùy theo khu vực.

Thẻ bảo hành chỉ được kèm theo ở một số khu vực cụ thể. Hãy liên hệ với đại lý bán hàng để có thông tin chi tiết.

Phụ kiện chuẩn



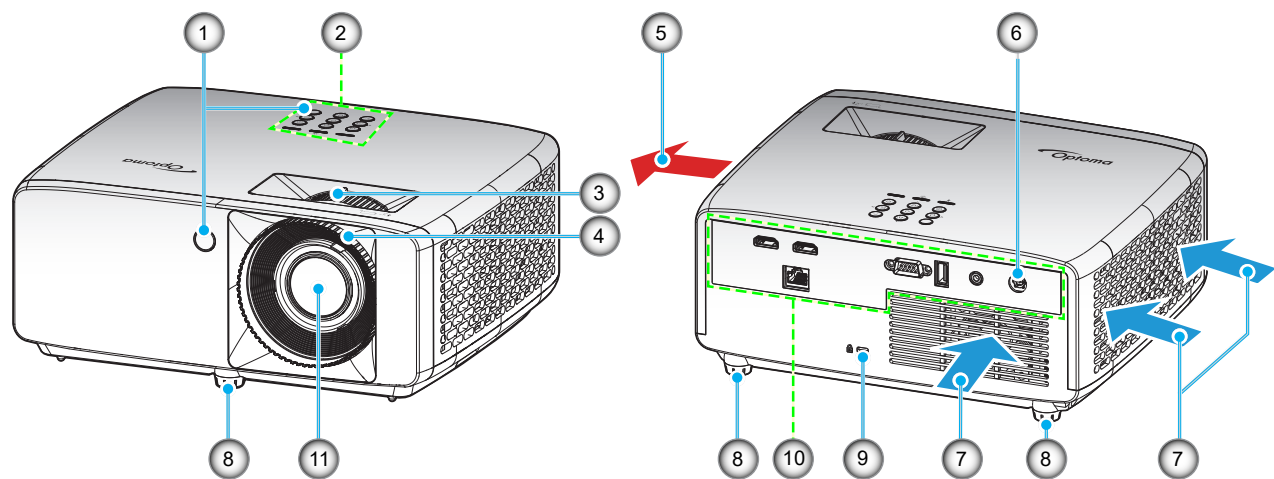
Lưu ý:

- Để xem thông tin cài đặt, hướng dẫn sử dụng, thông tin bảo hành và cập nhật sản phẩm - vui lòng quét Mã QR này hoặc truy cập URL sau:
<https://www.optoma.com/support/download>

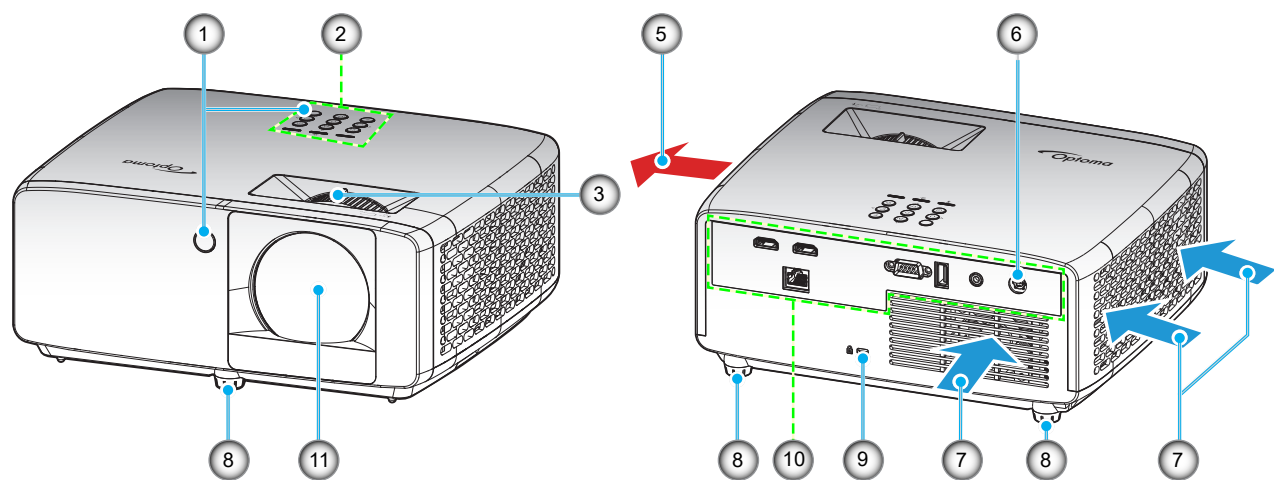


GIỚI THIỆU

Tổng quan về Sản phẩm



Mẫu Độ lệch tâm ngắn



Lưu ý:

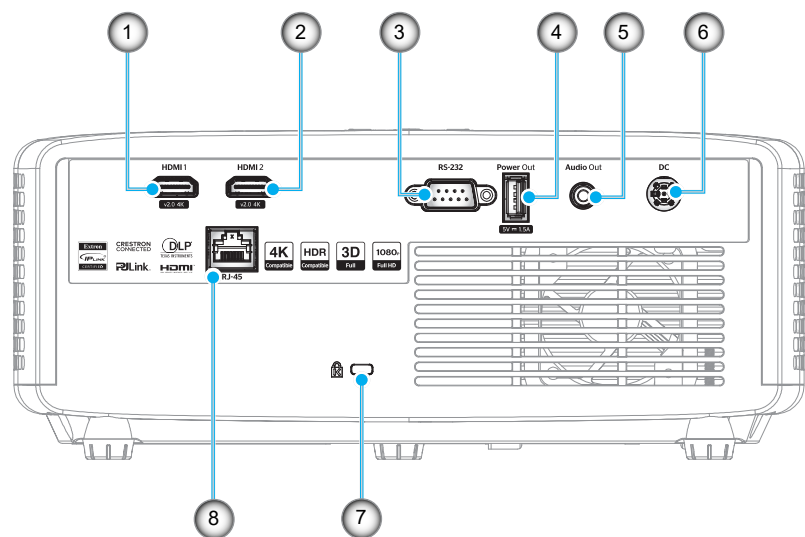
- Không chặn bít đầu vào và lỗ thông khí của máy chiếu.
- Khi sử dụng máy chiếu trong không gian kín, hãy chừa khoảng cách ít nhất 30 cm quanh đầu vào và lỗ thông khí của máy chiếu.

STT	Mục	STT	Mục
1.	Bộ thu Hồng ngoại	7.	Thông khí (cửa nạp)
2.	Bàn phím	8.	Chân chỉnh độ nghiêng
3.	Vòng chỉnh thu phóng	9.	Cổng khóa Kensington™
4.	Vòng chỉnh tiêu điểm	10.	Đầu vào/Đầu ra
5.	Thông khí (cửa thoát)	11.	Ống kính
6.	Giắc cắm điện DC		

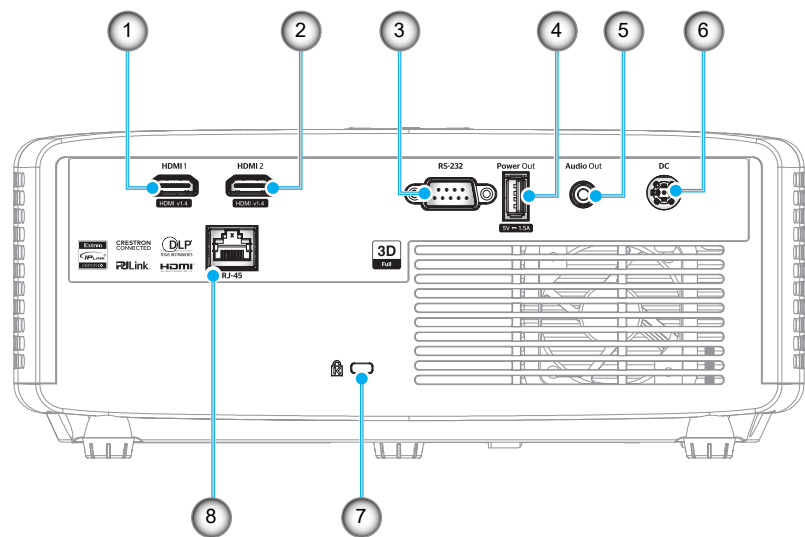
GIỚI THIỆU

Các đầu nối

Mẫu 1080p



Mẫu WXGA

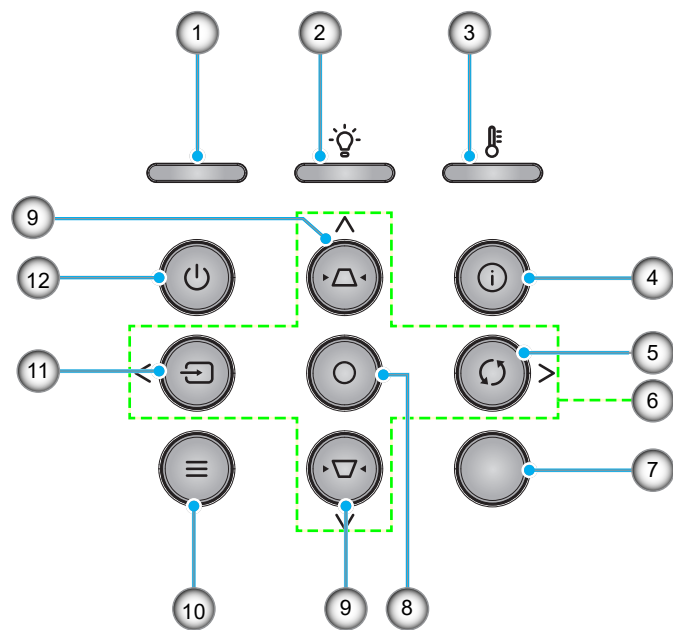


STT	Mục	STT	Mục
1.	Đầu cắm HDMI 1	5.	Đầu ra âm thanh
2.	Đầu cắm HDMI 2	6.	Giắc cắm điện DC
3.	Đầu cắm RS-232	7.	Cổng khóa Kensington™
4.	Đầu ra nguồn cắm USB (5V---1,5A)	8.	Đầu cắm RJ-45

Lưu ý: Chế độ tín hiệu hỗ trợ tùy theo các mẫu khác nhau ở từng khu vực kinh doanh.

GIỚI THIỆU

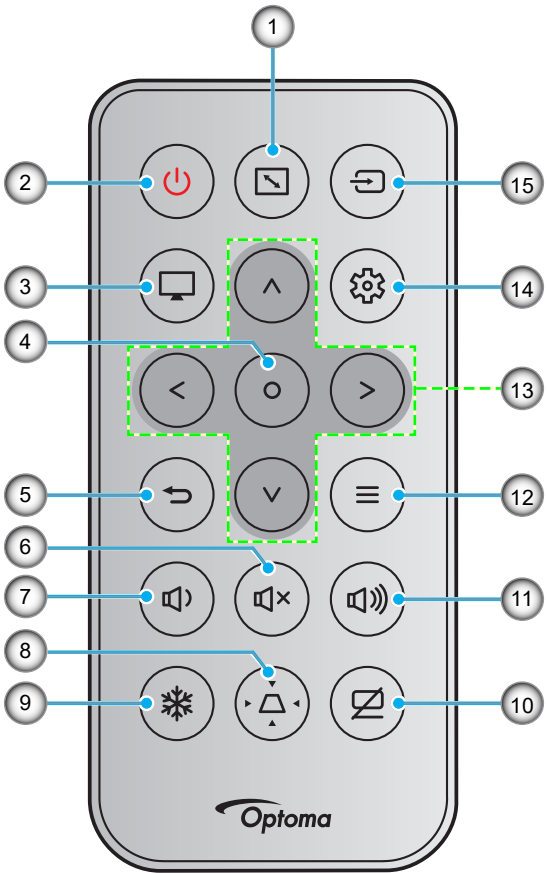
Bàn phím



STT	Mục	STT	Mục
1.	Đèn LED NGUỒN	7.	Bộ thu hồng ngoại
2.	Đèn LED bóng đèn	8.	Nhập
3.	Đèn LED nhiệt độ	9.	Hiệu chỉnh độ méo
4.	Thông tin	10.	Menu
5.	Tái Đồng Bộ	11.	Nguồn tín hiệu
6.	Bốn phím chọn điều hướng	12.	Nguồn

GIỚI THIỆU

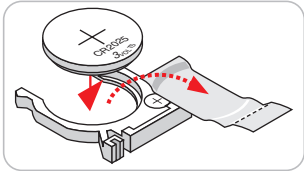
Điều khiển từ xa



STT	Mục	STT	Mục
1.	Tỉ lệ khung hình	9.	Đóng băng
2.	Bật/Tắt nguồn	10.	Chặn AV
3.	Chế độ	11.	Âm lượng +
4.	Nhập	12.	Menu
5.	Quay lại	13.	Bốn phím chọn điều hướng
6.	Tắt âm	14.	Cài đặt / Menu cài đặt
7.	Âm lượng -	15.	Nguồn tín hiệu
8.	Hiệu chỉnh độ méo		

Lưu ý:

- Một số phím có thể không có chức năng cho những mẫu máy không hỗ trợ các tính năng này.
- Trước khi sử dụng điều khiển từ xa lần đầu, hãy tháo băng dán cách điện trong suốt. Xem trang 19 để biết cách lắp đặt pin.
- Tùy theo khu vực mà điều khiển từ xa có thể đi kèm pin.

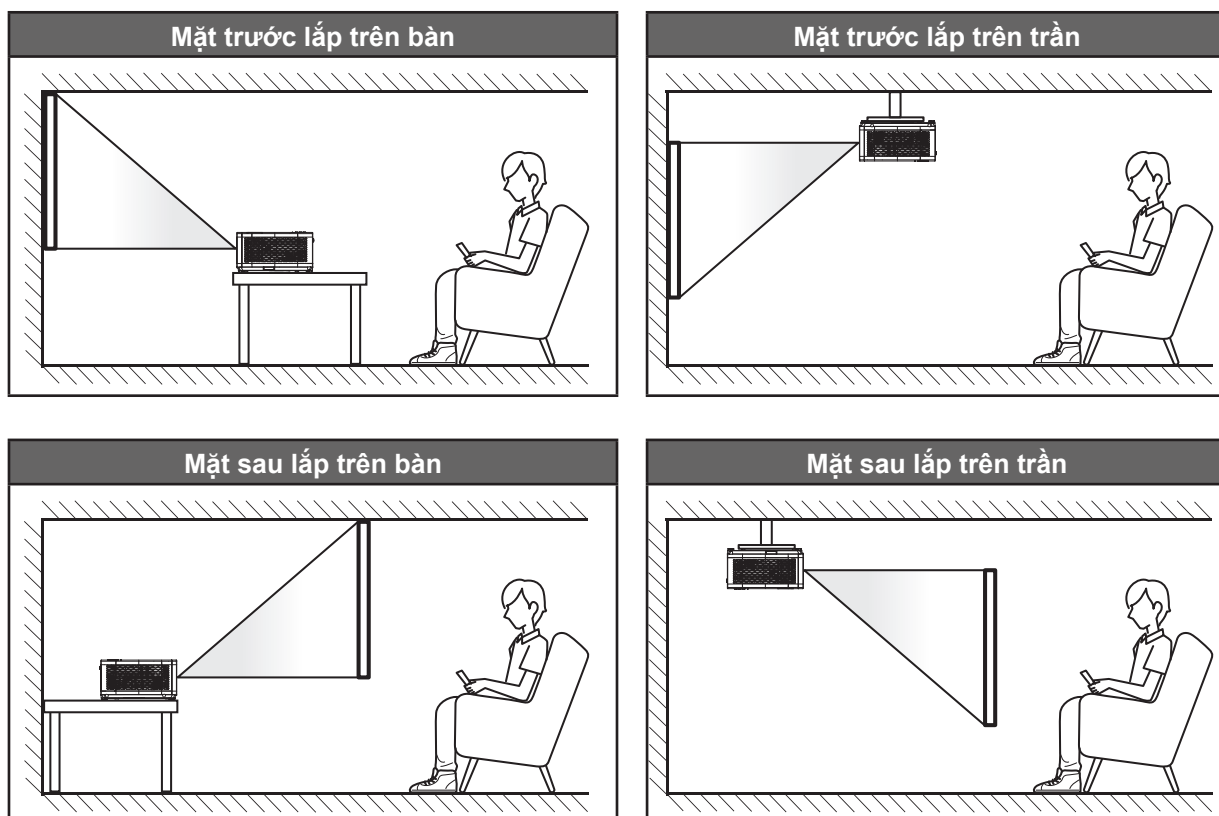


THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Lắp đặt máy chiếu

Máy chiếu của bạn được thiết kế để lắp đặt tại một trong bốn vị trí khả dụng.

Cách bố trí phòng hoặc sở thích riêng sẽ quyết định địa điểm nào bạn cần chọn. Xem xét đến kích thước và vị trí màn hình, vị trí ổ cắm điện thích hợp, cũng như địa điểm và khoảng cách giữa máy chiếu và các trang thiết bị còn lại.



Phải đặt máy chiếu bằng phẳng trên bề mặt với một góc 90 độ và vuông góc với màn hình.

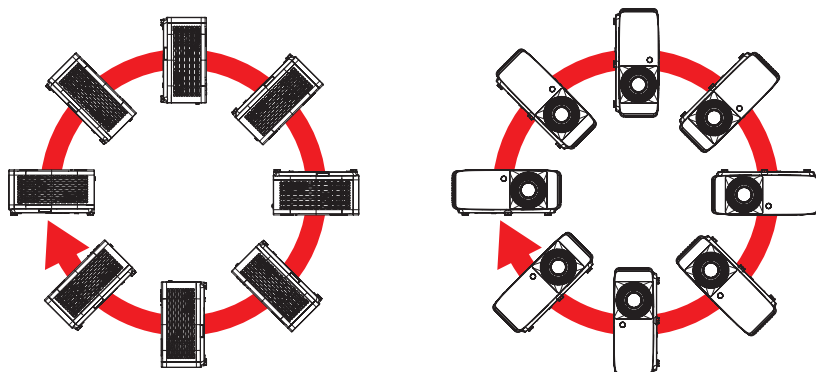
- Để biết cách xác định vị trí máy chiếu cho một kích thước màn chiếu nhất định, vui lòng tham khảo bảng khoảng cách ở trang 59~60.
- Để biết cách xác định kích thước màn chiếu theo khoảng cách có sẵn, vui lòng tham khảo bảng khoảng cách ở trang 59~60.

Lưu ý: Máy chiếu đặt càng xa màn hình thì kích thước hình chiếu càng tăng và độ bù chiều dọc cũng tăng theo tỷ lệ.

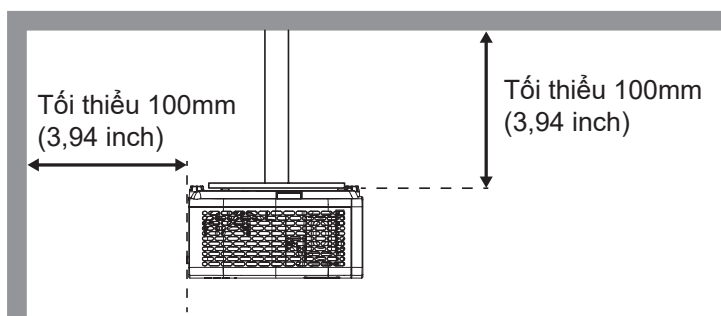
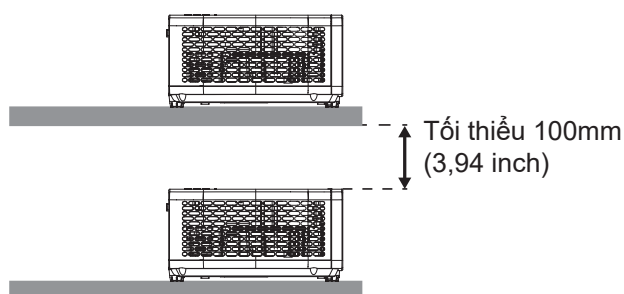
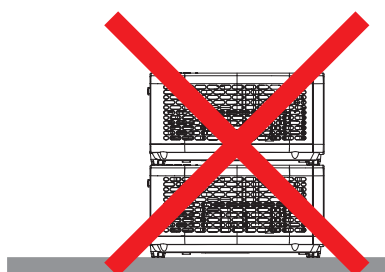
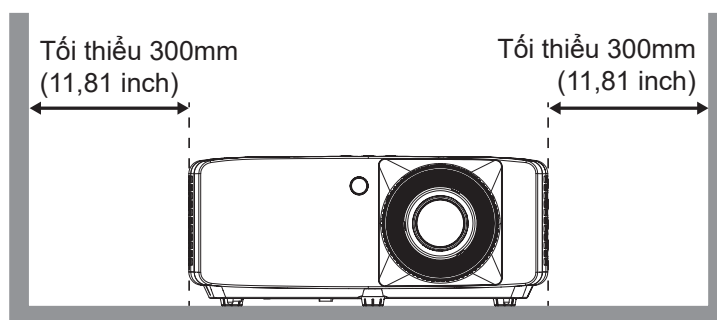
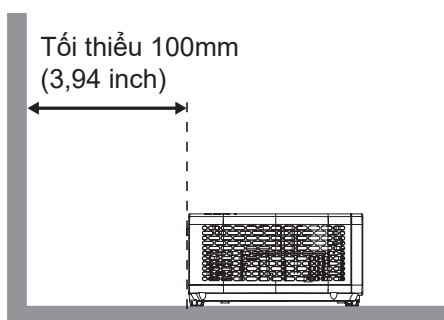
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Lưu ý lắp đặt máy chiếu

- Hướng chiếu tự do 360°



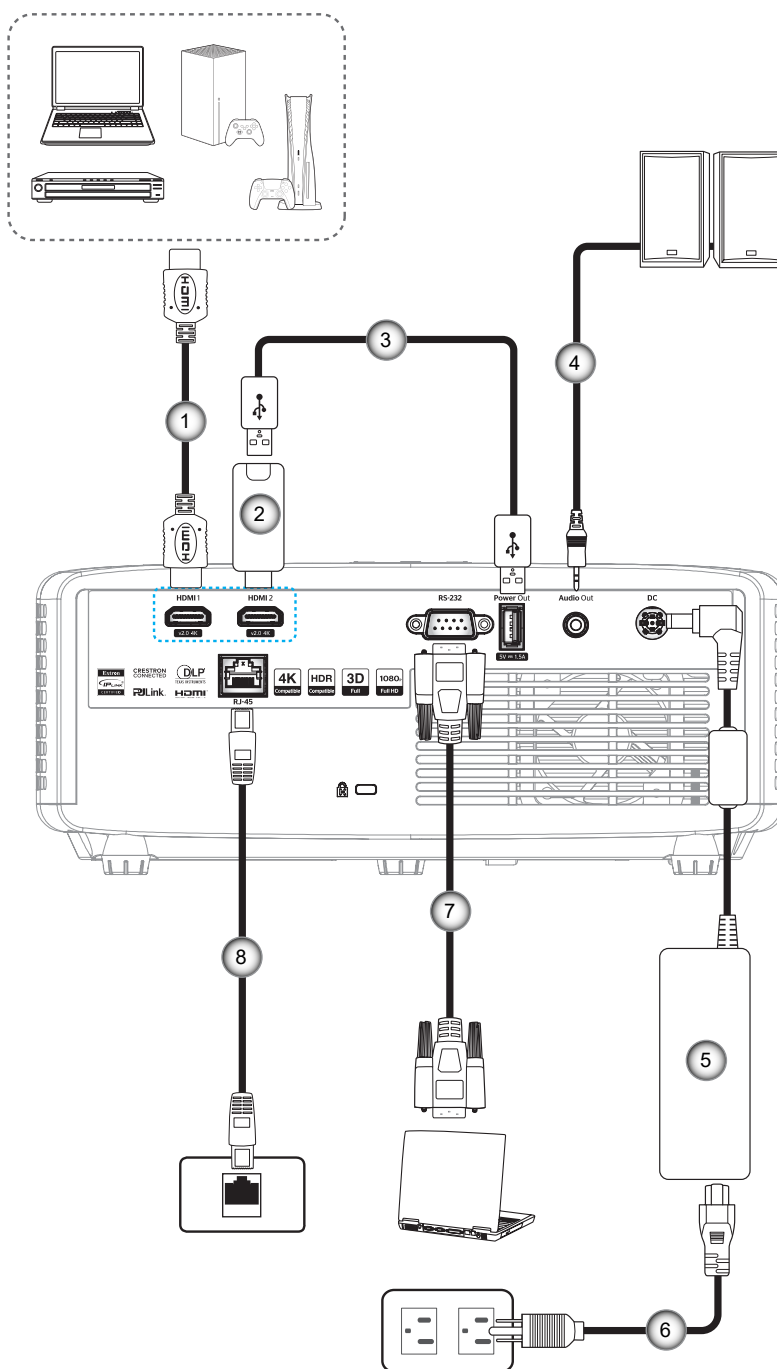
- Để khoảng trống tối thiểu 30 cm xung quanh xả khí.



- Đảm bảo quạt hút khí không tái sử dụng khí nóng từ quạt xả khí.
- Khi sử dụng máy chiếu trong không gian khép kín, đảm bảo nhiệt độ không khí xung quanh trong khu vực khép kín này không vượt quá nhiệt độ hoạt động khi máy chiếu đang chạy, và các lỗ hút khí và xả khí phải luôn thông suốt.
- Mọi khu vực khép kín phải vượt qua quy trình đánh giá về nhiệt được chứng nhận để đảm bảo máy chiếu không tái sử dụng khí thải vì điều này có thể khiến cho thiết bị ngưng hoạt động dù nhiệt độ xung quanh nằm trong phạm vi nhiệt độ hoạt động chấp nhận.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu



STT	Mục
1.	Cáp HDMI
2.	Thiết bị phát tín hiệu HDMI
3.	Cáp nguồn USB
4.	Cáp đầu ra âm thanh

STT	Mục
5.	Adapter nguồn
6.	Cáp nguồn
7.	Cáp RS232
8.	Cáp RJ-45*

Lưu ý: Để đảm bảo chất lượng hình ảnh tốt nhất và tránh các lỗi kết nối, bạn nên sử dụng các loại cáp HDMI Tốc Độ Cao hoặc Được Chứng Nhận Cao Cấp với chiều dài tối đa 5 mét.

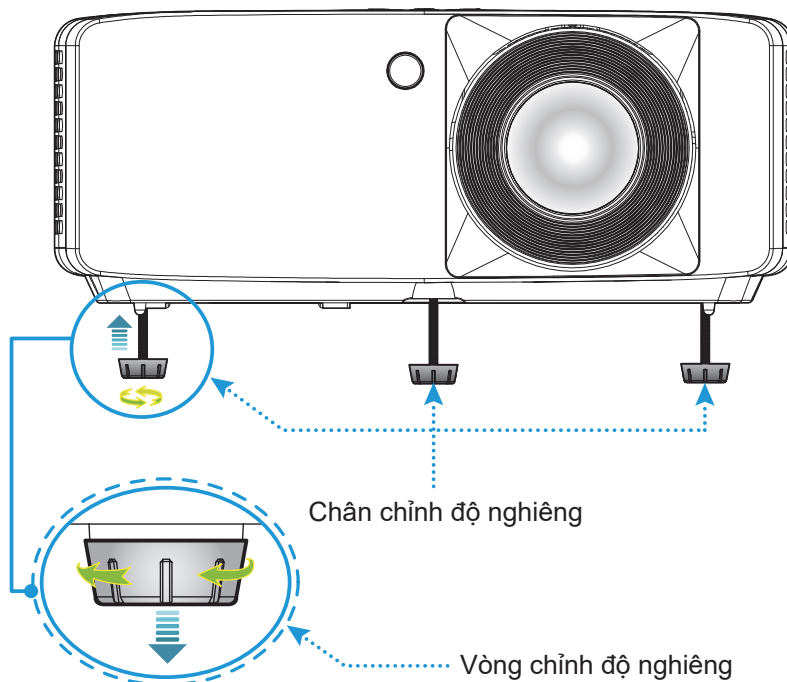
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Điều chỉnh Hình ảnh chiếu

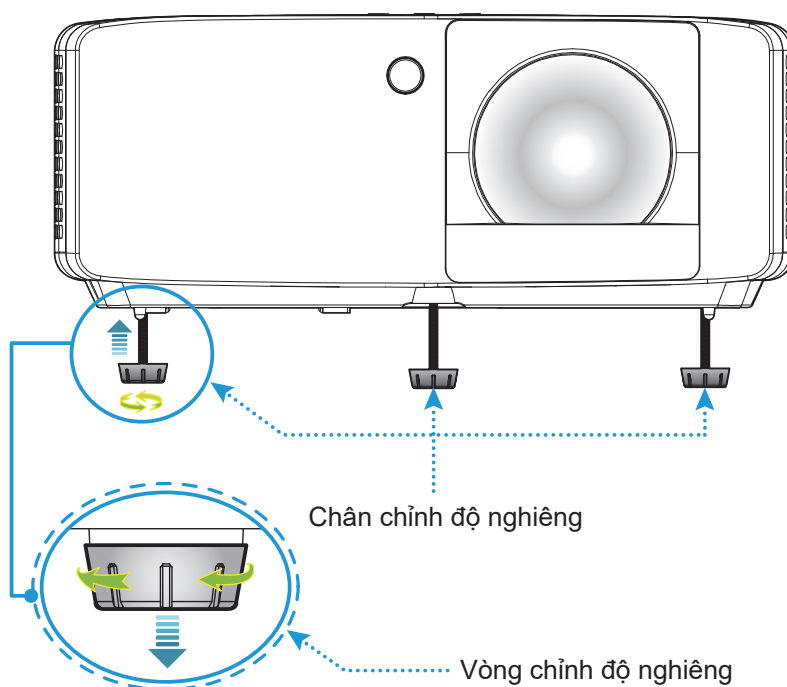
Chiều cao hình

Máy chiếu được trang bị chân nâng để điều chỉnh độ cao của hình ảnh.

1. Xác định bánh điều chỉnh bạn muốn chỉnh ở mặt dưới máy chiếu.
2. Vận bánh chân để tùy chỉnh theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để nâng hoặc hạ máy chiếu.



Mẫu Độ lệch tâm ngắn:

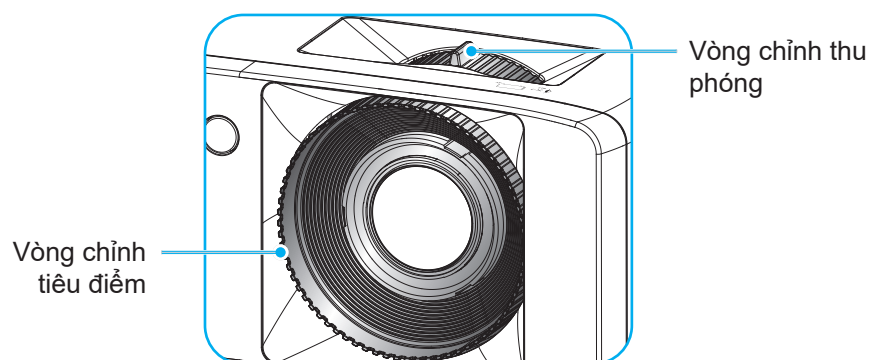


THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

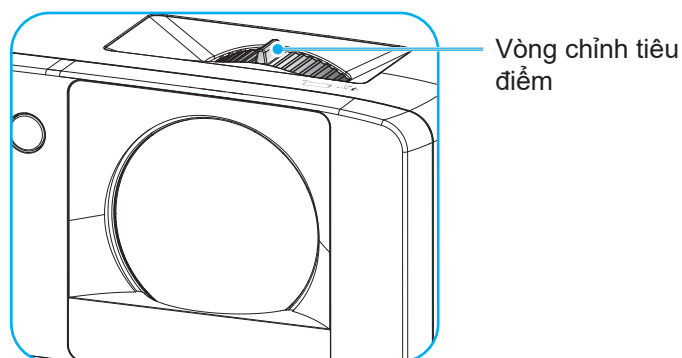
Thu phóng và lấy nét

- Để chỉnh cỡ hình, hãy xoay vòng chỉnh thu phóng theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để tăng hoặc giảm kích thước hình chiếu.
- Để chỉnh lấy nét, xoay vòng lấy nét theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi hình chiếu sắc nét và rõ ràng.

Mẫu 1080p 1,3x:



Mẫu Độ lệch tâm ngắn:

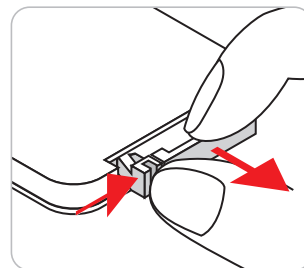


THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

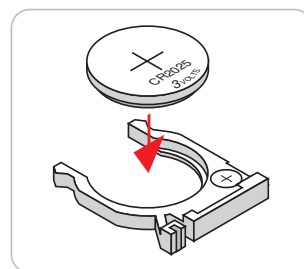
Thiết lập điều khiển từ xa

Lắp đặt/thay thế pin cho điều khiển từ xa

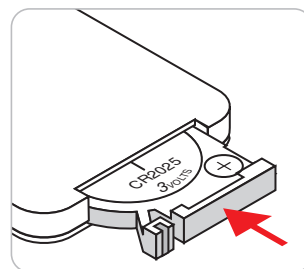
1. Ấn mạnh và trượt nắp đậy pin ra.



2. Lắp pin mới vào khoang chứa. Tháo pin cũ và lắp pin mới (CR2025). Đảm bảo cạnh có dấu "+" hướng lên trên.



3. Gắn nắp đậy lại.



CHÚ Ý: Để đảm bảo hoạt động an toàn, hãy tuân thủ các lưu ý phòng ngừa sau:

- Sử dụng pin loại CR2025.
- Tránh tiếp xúc với nước hoặc chất lỏng.
- Không đặt điều khiển từ xa gần môi trường ẩm ướt hoặc nhiệt.
- Không làm rơi điều khiển từ xa.
- Nếu pin đã rò rỉ trong điều khiển từ xa, hãy lau kỹ vỏ và lắp pin mới.
- Nguy cơ bị nổ nếu pin được thay thế bằng loại pin không thích hợp.
- Thải bỏ pin qua sử dụng theo các chỉ dẫn.

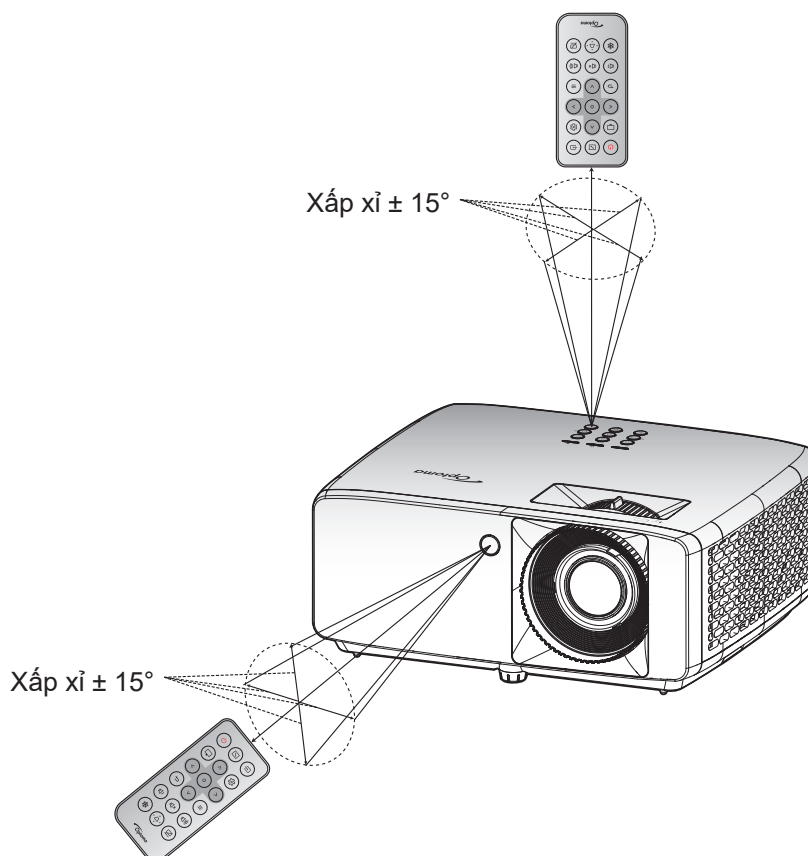
Lưu ý: Tùy theo khu vực mà điều khiển từ xa có thể đi kèm pin.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Phạm vi hoạt động

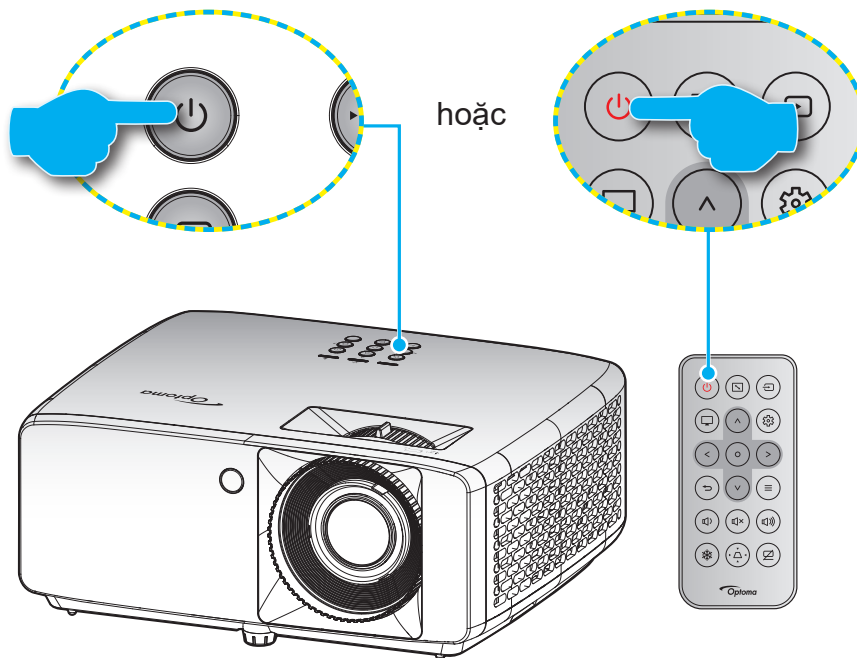
Cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại (IR) nằm ở phía trên và phía trước máy chiếu. Đảm bảo giữ điều khiển từ xa ở một góc 30 độ vuông góc với cảm biến điều khiển từ xa IR của máy chiếu để hoạt động thích hợp. Khoảng cách giữa điều khiển từ xa và cảm biến không được xa quá 6 mét (19,7 feet).

- Đảm bảo không có các vật cản giữa điều khiển từ xa và cảm biến IR trên máy chiếu vốn có thể cản trở chùm tia hồng ngoại.
- Đảm bảo bộ truyền phát IR trên điều khiển từ xa không bị ánh sáng mặt trời hoặc đèn huỳnh quang chiếu trực tiếp vào.
- Vui lòng giữ bộ điều khiển từ xa cách đèn huỳnh quang ít nhất 2m, nếu không có thể xảy ra trục trặc.
- Nếu đặt gần các đèn huỳnh quang Loại Bộ đảo điện, điều khiển từ xa thỉnh thoảng có thể không hoạt động.
- Nếu điều khiển từ xa và máy chiếu nằm trong khoảng cách rất gần nhau, điều khiển từ xa có thể không hoạt động.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Bật/tắt nguồn máy chiếu



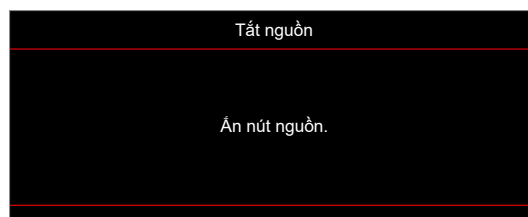
Bật nguồn

1. Cắm chặt dây nguồn và cáp tín hiệu/cáp nguồn. Khi đã kết nối, đèn LED nguồn sẽ chuyển sang màu đỏ.
2. Bật máy chiếu bằng cách nhấn nút  trên bàn phím máy chiếu hoặc nút  trên điều khiển từ xa.
3. Màn hình khởi động sẽ hiển thị trong khoảng 10 giây và đèn LED nguồn sẽ nhấp nháy màu xanh lục hoặc lam.

Lưu ý: Lần đầu bật máy chiếu, bạn sẽ được nhắc chọn ngôn ngữ ưu tiên, Vị trí chiếu và các cài đặt khác.

Tắt nguồn

1. Tắt máy chiếu bằng cách nhấn nút  trên bàn phím máy chiếu hoặc nút  trên điều khiển từ xa.
2. Thông báo sau đây sẽ hiển thị:



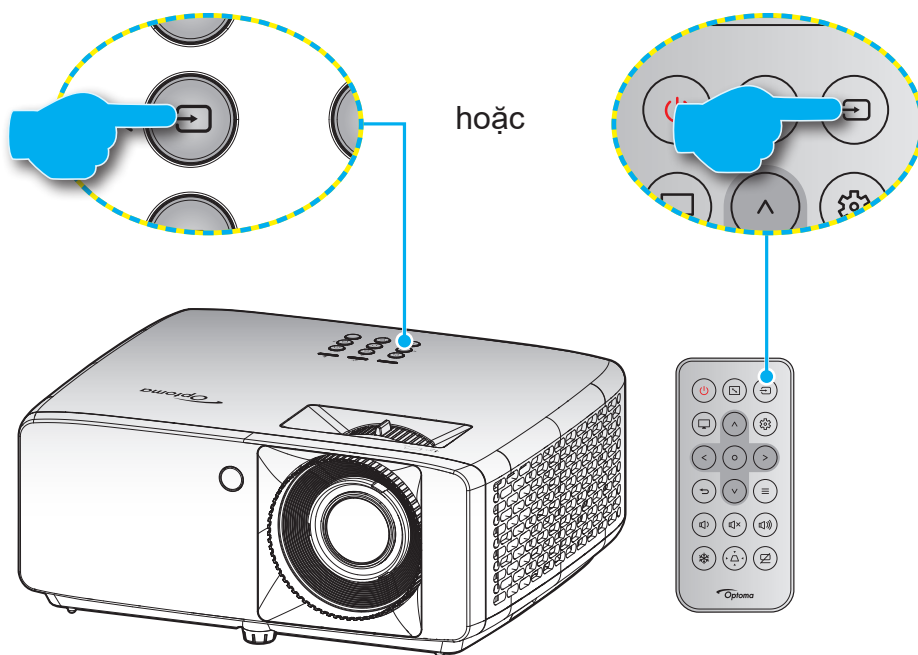
3. Nhấn lại nút / để xác nhận, nếu không thông báo đó sẽ biến mất sau 15 giây. Khi bạn nhấn nút / lần thứ hai, máy chiếu sẽ tắt.
4. Các quạt làm nguội tiếp tục hoạt động khoảng 10 giây theo chu kỳ làm nguội và đèn LED nguồn sẽ nhấp nháy màu xanh lục hoặc lam. Khi đèn LED nguồn chuyển sang một màu đỏ, điều này cho biết máy chiếu đã vào chế độ chờ. Nếu muốn bật máy chiếu trở lại, bạn phải chờ cho đến khi hoàn tất chu trình làm nguội và máy chiếu đã vào chế độ chờ. Khi máy chiếu ở chế độ chờ, chỉ cần nhấn lại nút / để bật máy chiếu.
5. Rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện và máy chiếu.

Lưu ý: Bạn không được bật máy chiếu ngay sau quy trình tắt nguồn.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Chọn nguồn vào

Bật nguồn tín hiệu vừa kết nối mà bạn muốn hiển thị trên màn hình, như máy vi tính, máy tính xách tay, đầu xem video, v.v.... Máy chiếu sẽ tự dò tìm nguồn tín hiệu. Khi kết nối nhiều nguồn tín hiệu, nhấn nút  trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa để chọn đầu vào mong muốn.

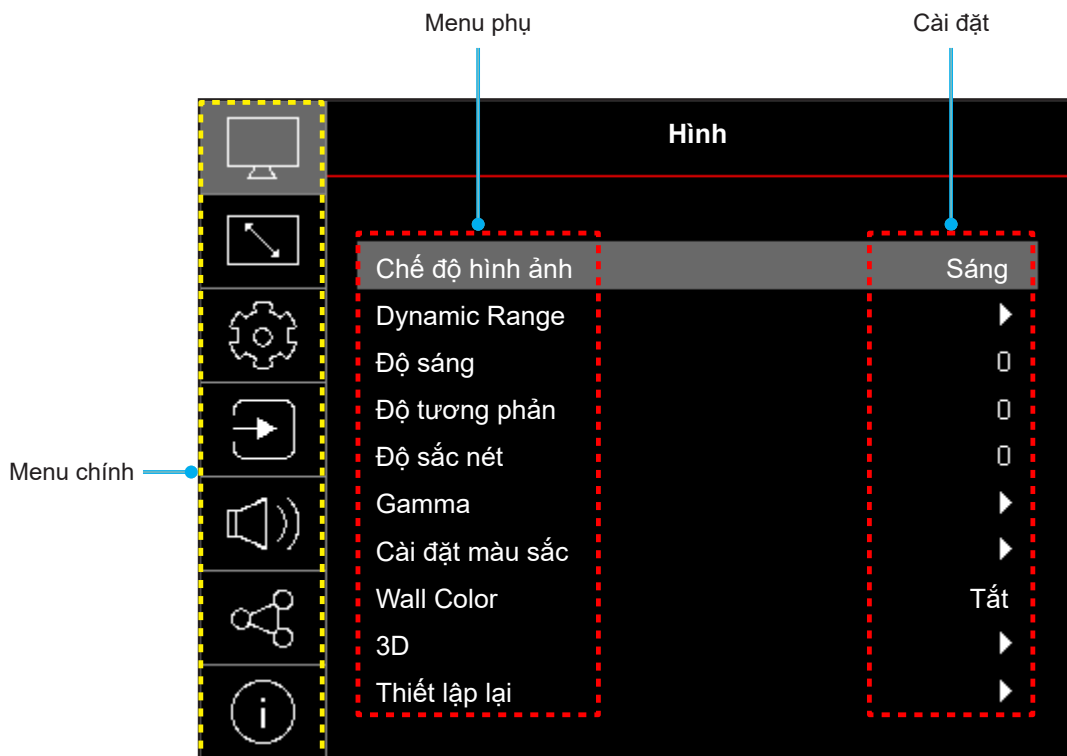


THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Điều hướng menu và các tính năng

Máy chiếu có các menu Hiển thị trên màn hình đa ngữ cho phép bạn điều chỉnh hình ảnh và thay đổi nhiều cài đặt. Máy chiếu sẽ tự động phát hiện nguồn đó.

1. Để mở menu OSD, hãy nhấn giữ nút $\equiv$ trên bàn phím máy chiếu hoặc điều khiển từ xa.
2. Khi menu OSD hiển thị, sử dụng các phím $\wedge / \vee$ để chọn bất kỳ mục nào trong menu chính. Trong khi lựa chọn trên một trang cụ thể, nhấn nút $\bigcirc$ trên bàn phím máy chiếu hoặc điều khiển từ xa để vào menu phụ.
3. Sử dụng các phím $< / >$ để chọn mục mong muốn trong menu phụ rồi nhấn nút $\bigcirc$ để xem thêm các cài đặt khác. Chỉnh cài đặt bằng các phím $\wedge / \vee / < / >$.
4. Chọn mục được điều chỉnh tiếp theo trong menu con và điều chỉnh như mô tả ở trên.
5. Nhấn nút $\bigcirc$ để xác nhận và màn hình sẽ trở về menu chính.
6. Để thoát, hãy nhấn lại nút $\equiv$. Menu OSD sẽ đóng và máy chiếu sẽ tự động lưu các cài đặt mới.



THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Sơ đồ menu OSD

Lưu ý: Các mục và tính năng sơ đồ menu OSD tùy thuộc vào mẫu và khu vực. Optoma bảo lưu quyền thêm hoặc bỏ mục để cải thiện hiệu năng của sản phẩm mà không cần báo trước.

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị
Hình	Chế độ hình ảnh				Sống động
					HDR [đối với mẫu HDMI 2.0]
					HLG [đối với mẫu HDMI 2.0]
					Rạp chiếu
					Trò chơi
					Thể thao
					Tham khảo
					Sáng
					DICOM SIM.
					3D
	Dynamic Range [đối với mẫu HDMI 2.0]	HDR / HLG			Tự động
					Tắt
	Độ sáng				-50 ~ 50
	Độ tương phản				-50 ~ 50
	Độ sắc nét				1 ~ 15
	Gamma				Phim
					Đồ họa
					1,8
					2,0
					2,2
					2,4
	Cài đặt màu sắc	Màu sắc			-50 ~ 50
		Sắc thái			-50 ~ 50
		BrilliantColor™			1 ~ 10
		Mức độ màu			Ấm
					Tiêu chuẩn
					Mát
					Lạnh
		CMS	Màu sắc		Trắng / Đỏ / Lục / Lam / Xanh ngọc / Đỏ thẫm / Vàng
			Màu sắc		-50 ~ 50
			Độ bão hòa		-50 ~ 50
			Tăng cường		-50 ~ 50
			Thiết lập lại		Không
					Có
			Thoát		
		Không gian màu			Tự động / RGB (0-255) / RGB (16-235) / YUV

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị
Hình	Wall Color				Tắt
					Bảng đen
					Light Yellow
					Light Green
					Light Blue
					Pink
					Mức xám
	3D	Chế độ 3D			Tắt
					Bật
		Kỹ thuật 3D			DLP-Link
					3D Sync
					3D
		Chuyển đổi 3D-2D			L
					R
					Tự động
		Định dạng 3D			Hình bên cạnh hình (Bên cạnh)
					Trên và dưới
					Khung tuần tự
					Tắt
		Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D			Bật
					Không
		Thiết lập lại			Có
	Thiết lập lại				
HIỂN THỊ	Vị trí chiếu				Mặt trước
					Rear
					Trên-phía trên
					Phía sau-phía trên
	Chế độ nguồn ánh sáng				Eco.
					Nguồn = 100% / 95% / 90% / 85% / 80% / 75% / 70% / 65% / 60% / 55% / 50% (100%~20%)- Khóa mật khẩu
	Mức đen động				Tắt
					Bật
	Chế độ chơi game				Tắt
					Bật
	Loại màn chiếu				4:3
					16:9
					16:10
	Tỉ lệ khung hình				4:3 [Loại màn chiếu: 4:3]
					16:9 [Loại màn hình: 16:9]
					16:10 [Loại màn chiếu: 16:10]
					21:9
					Tự nhiên
	Hiệu chỉnh hình học	Chỉnh hình chiều dọc			Tự động
					-30 ~ 30 [-15 ~ 15, đối với mẫu ST]

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị
HIỂN THỊ	Hiệu chỉnh hình học	Chỉnh vuông ngang			-30 ~ 30 [-15 ~ 15, đối với mẫu ST]
		Điều chỉnh bốn góc			
		Thiết lập lại			
	Zoom kỹ thuật số	Thu phóng			-5 ~ 25
	Dịch chuyển hình	Vị trí ảnh phương ngang 			-100 ~ 100
		Vị trí ảnh phương dọc 			-100 ~ 100
		Thiết lập lại			
Cài Đặt	Mẫu thử				Khung lưới xanh
					Khung lưới đỏ thẫm
					Khung lưới trắng
					Trắng
					Tắt
	Ngôn ngữ				English
					Deutsch
					Français
					Italiano
					Español
					Português
					Polski
					Nederlands
					Svenska
					Norsk
					Dansk
					Suomi
					ελληνικά
					繁體中文
					简体中文
					日本語
					한국어
					Русский
					Magyar
					Čeština
					عربي
					ไทย
					Türkçe

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị
Cài Đặt	Ngôn ngữ				فارسی
					Tiếng Việt
					Bahasa Indonesia
					Română
	Tùy chỉnh Menu	Vị trí thực đơn			Trên-Trái
					Trên-Phải
					Dưới-Trái
					Đáy-Phải
					Trung tâm
					Tắt
		Menu Timer			5s
					10s
					20 giây
					30s
					Tắt
					Bật
		Ẩn thông tin			Tắt
					Bật
	Điều chỉnh tốc độ quạt				Tắt
					Bật
	Điều chỉnh lọc	Thời gian sử dụng bộ lọc			(chỉ đọc)
		Bộ lọc tùy chọn được thiết lập			Không
					Có
		Nhắc nhở bộ lọc			Tắt
					300 giờ
					500 giờ
					800 giờ
					1000 giờ
					Không
		Thiết lập lại bộ lọc			Có
	Điều chỉnh nguồn	Bật nguồn trực tiếp			Tắt
					Bật
		Bật nguồn điện			Tắt
					Bật
		Tắt nguồn tự động (phút)			0 ~ 180 (tăng thêm 1 phút)
		Hẹn giờ tắt máy (phút)			0 ~ 990 (tăng thêm 30 phút)
		Chế độ nguồn (Chờ)			Tích cực
					Eco.
	Bảo mật	Bảo mật			Tắt
					Bật
		Bộ đếm thời gian an toàn	Tháng		
			Ngày		
			Giờ		
		Đổi mật khẩu			
	Màn hình khởi động				Mặc định
					Trung lập
					Người sử dụng

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị
Cài Đặt	Màu nền				Không
					Lam
					Đỏ
					Lục
					Mức xám
					Biểu tượng
	Thiết lập lại	Cài đặt OSD			Không
					Có
		Cài về mặc định			Không
					Có
Nhập liệu	Tự động tìm nguồn tín hiệu				Tắt
					Bật
	Chuyển đổi đầu vào tự động				Tắt
					Bật
	Cài đặt HDMI CEC	Liên kết HDMI			Tắt
					Bật
		Bao gồm TV			Không
					Có
		Liên kết cho bật nguồn			Liên kết tương hỗ
					PJ --> Thiết bị
					Thiết bị --> PJ
		Liên kết cho tắt nguồn			Tắt
					Bật
	Thiết lập lại				Không
					Có
Âm thanh	Âm lượng				0 ~ 100
	Tắt âm				Tắt
					Bật
	Thiết lập lại				
Điều khiển	ID thiết bị				0~99
	Thiết lập điều khiển	Chức năng IR			Bật
					Tắt
	Cài đặt bàn phím	Khóa bàn phím			Tắt
					Bật
	LAN	Trạng thái mạng			(chỉ đọc)
		Địa chỉ MAC			(chỉ đọc)
		DHCP			Tắt / Bật
		Địa chỉ IP			192.168.0.100
		Mặt nạ mạng con			255.255.255.0
		Gateway			192.168.0.254
		DNS			192.168.0.51
		Thiết lập lại			

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị
Điều khiển	Điều khiển	Crestron (Cổng 41794)			Tắt
					Bật
		Extron (Cổng 2023)			Tắt
					Bật
		Liên kết PJ (Cổng 4352)			Tắt
					Bật
		Phát hiện thiết bị AMX (Cổng 9131)			Tắt
					Bật
	Thiết lập lại	Telnet (Cổng 23)			Tắt
					Bật
Thông tin	Thông tin	HTTP (Cổng 80)			Tắt
					Bật
		Điều khiển			
		Số Seri			
		Nguồn tín hiệu			
		Thông tin màu sắc			
		LightSourceHours			
		Chế độ hình ảnh			
	Phiên bản FW	ID thiết bị			
		Thời gian sử dụng bộ lọc Lưu ý: Tùy theo khu vực có thể có tùy chọn tấm lọc bụi. Vui lòng tham khảo với nhân viên khu vực.			
		Chế độ nguồn ánh sáng			
		Phiên bản FW	DDP		
			MCU		
			LAN		

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Menu hình

Menu chế độ hình ảnh

Bạn có thể chọn một vài chế độ hiển thị được định sẵn để có hình ảnh phù hợp với bạn. Mỗi chế độ đều được tinh chỉnh kỹ càng bởi đội ngũ chuyên gia màu sắc của chúng tôi để đảm bảo hiệu năng màu ưu việt cho nhiều loại nội dung đa dạng.

- **Sống động:** Ở chế độ này, độ bão hòa và độ sáng màu được cân bằng tốt. Chọn chế độ này để chơi game.
- **HDR / HLG:** Mã hóa và hiển thị nội dung Dải Động Cao (HDR)/Hybrid Log Gamma (HLG) đối với các màu đen sâu nhất, màu trắng sáng nhất và màu sắc điện ảnh sống động bằng gam màu REC.2020. Chế độ này sẽ tự động được bật nếu HDR/HLG được đặt thành Bật (và nội dung HDR/HLG được gửi đến máy chiếu - 4K UHD Blu-ray, trò chơi 1080p / 4K UHD HDR/HLG, video phát trực tuyến 4K UHD). Trong khi chế độ HDR/HLG hoạt động, bạn không thể chọn các chế độ hiển thị khác (Điện ảnh, Tham chiếu, v.v...) vì HDR/HLG cung cấp màu sắc có độ chính xác cao, vượt quá hiệu suất màu của các chế độ hiển thị khác.
Lưu ý: Menu này chỉ có sẵn cho mẫu 1080p.
- **Rạp chiếu:** Đem đến cân bằng hoàn hảo nhất giữa chi tiết và màu sắc khi xem phim.
- **Trò chơi:** Tối ưu hóa máy chiếu của bạn để có độ tương phản tối đa và màu sắc rực rỡ, để bạn có thể nhìn thấy chi tiết bóng khi chơi game.
- **Thể thao:** Tối ưu máy chiếu của bạn để xem thể thao hay chơi game thể thao.
- **Tham khảo:** Chế độ này tái tạo màu sắc theo sát ý tưởng mà đạo diễn phim mong muốn nhất. Các cài đặt màu, mức độ màu, độ sáng, độ tương phản và gamma đều được định cấu hình theo gam màu Rec.709. Chọn chế độ này để có được màu sắc chuẩn xác nhất để xem phim.
- **Sáng:** Chế độ này phù hợp cho môi trường mà cần có mức sáng rất cao, như dùng máy chiếu trong căn phòng nhiều ánh sáng.
- **DICOM SIM.:** Chế độ này đã được thiết kế để giúp xem hình ảnh thang màu xám, và nó rất hoàn hảo để xem tia X-quang và tia quét trong quá trình đào tạo y tế.
Lưu ý: *Máy chiếu này không phù hợp để sử dụng trong việc chẩn đoán y tế.
- **3D:** Các cài đặt được tối ưu để xem nội dung 3D.
Lưu ý: Để trải nghiệm hiệu ứng 3D, bạn cần có kính tương thích DLP Link 3D. Xem phần 3D để có thêm thông tin.

Menu dải rộng hình ảnh

HDR / HLG

Định cấu hình cài đặt Dải Động Cao (HDR) / Nhặt ký lai Gamma (HLG) và hiệu ứng liên quan khi hiển thị video từ đầu đĩa Blu-ray 4K và thiết bị truyền video.

- **Tự động:** Tự phát hiện tín hiệu HDR/HLG.
- **Tắt:** Tắt hiệu ứng xử lý HDR/HLG. Khi đã cài sang Tắt, máy chiếu sẽ KHÔNG giải mã nội dung HDR/HLG.

Lưu ý: Menu này chỉ có sẵn cho mẫu 1080p.

Menu độ sáng hình ảnh

Điều chỉnh độ sáng của hình ảnh.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Menu độ tương phản hình ảnh

Độ tương phản điều chỉnh mức độ khác nhau giữa các phần sáng nhất và tối nhất của hình.

Menu độ sắc nét hình ảnh

Điều chỉnh độ sắc nét hình ảnh.

Menu gamma hình ảnh

Cài đặt dạng cong gamma. Sau khi hoàn thành thiết lập ban đầu và tinh chỉnh, hãy sử dụng các bước Điều chỉnh gamma để tối ưu hóa đầu ra hình ảnh của bạn.

- **Phim:** Cho nhà hát tại gia.
- **Đồ họa:** Cho nguồn PC/Ảnh.
- **1.8 / 2.0 / 2.2 / 2.4:** Cho nguồn PC/Ảnh cụ thể.

Menu cài đặt màu sắc hình ảnh

Màu sắc

Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bão hòa hoàn toàn.

Sắc thái

Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.

BrilliantColor™

Mục có thể điều chỉnh này sử dụng thuật toán xử lý màu và tăng cường để cho độ sáng cao hơn mà vẫn tạo ra màu sắc sống động, trung thực trong hình ảnh.

Mức độ màu

Chọn nhiệt độ màu từ Ấm, Tiêu chuẩn, Mát hoặc Lạnh.

CMS

Chọn các tùy chọn sau:

- **Màu sắc:** Chỉnh mức Đỏ, Lục, Đen, Xanh ngọc, Vàng, Đỏ thẫm và Trắng cho hình ảnh.
- **Màu sắc:** Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.
- **Độ bão hòa:** Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bão hòa hoàn toàn.
- **Tăng cường:** Chỉnh độ sáng cho màu được chọn.
- **Thiết lập lại:** Trở về cài đặt mặc định gốc để chỉnh màu.
- **Thoát:** Trở lại menu trước.

Không gian màu

Chọn loại khuôn màu thích hợp từ tùy chọn sau: Tự động, RGB (0-255), RGB (16-235) và YUV.

Menu màu tường hình ảnh

Được thiết kế để điều chỉnh màu của hình ảnh được trình chiếu lên tường mà không có tấm nền. Mỗi chế độ đều được tinh chỉnh kỹ càng bởi đội ngũ chuyên gia màu sắc của chúng tôi để đảm bảo hiệu năng màu ưu việt.

Bạn có thể chọn một vài chế độ được định sẵn để có hình ảnh phù hợp màu tường của bạn. Chọn giữa Tắt, Bảng đen, Light Yellow, Light Green, Light Blue, Pink, và Mức xám.

Lưu ý: Để tái tạo màu sắc chính xác, bạn nên sử dụng màn hình.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Menu 3D hình ảnh

Lưu ý:

- Máy chiếu này là sẵn sàng sử dụng với 3D bằng giải pháp 3D DLP-Link.
- Vui lòng đảm bảo kính 3D của bạn được sử dụng cho nội dung 3D DLP-Link trước khi xem video.
- Máy chiếu này hỗ trợ (lật trang) khung tuần tự 3D qua các cổng HDMI1/HDMI2.
- Để bật chế độ 3D, tỷ lệ khung hình nhập phải được cài sang chỉ 60Hz; tỷ lệ khung hình thấp hơn hoặc cao hơn sẽ không được hỗ trợ.
- Để đạt hiệu suất tối ưu, bạn nên sử dụng độ phân giải 1920x1080; xin lưu ý rằng độ phân giải 4K (3840x2160) không được hỗ trợ ở chế độ 3D.

Chế độ 3D

Dùng chức năng này để bật hoặc tắt chức năng 3D.

- **Tắt:** Chọn “Tắt” để tắt chế độ 3D.
- **Bật:** Chọn “Bật” để bật chế độ 3D.

Kỹ thuật 3D

Sử dụng lựa chọn này để chọn công nghệ 3D.

- **DLP-Link:** Chọn để sử dụng cài đặt tối ưu cho Kính 3D DLP.
- **3D Sync:** Chọn để sử dụng cài đặt tối ưu cho Kính 3D phân cực, IR hoặc RF.

Chuyển đổi 3D-2D

Dùng tùy chọn này để xác định cách hiển thị nội dung 3D trên màn hình.

- **3D:** Hiển thị tín hiệu 3D.
- **L:** Hiển thị khung trái của nội dung 3D.
- **R:** Hiển thị khung phải của nội dung 3D.

Định dạng 3D

Dùng tùy chọn này để chọn nội dung định dạng 3D thích hợp.

- **Tự động:** Khi tín hiệu nhận dạng 3D được phát hiện, định dạng 3D sẽ được chọn tự động.
- **Hình bên cạnh hình:** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng “Hình bên cạnh hình”.
- **Trên và dưới:** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng “Trên và dưới”.
- **Khung tuần tự:** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng “Khung tuần tự”.

Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D

Dùng tùy chọn này để bật/tắt chức năng Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D.

Thiết lập lại

Phục hồi về cài đặt mặc định gốc cho mọi cài đặt 3D.

- **Không:** Chọn để hủy Cài lại.
- **Có:** Chọn để trở về cài đặt mặc định gốc cho 3D.

Menu thiết lập lại hình ảnh

Trở về các cài đặt mặc định gốc cho cài đặt hình ảnh.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Menu hiển thị

Menu Vị trí chiếu hiển thị

Chọn trình chiếu ưa thích giữa phía trước, phía sau, trần-phía trên và phía sau-phía trên.

Menu chế độ nguồn sáng hiển thị

Chọn một chế độ nguồn sáng tùy theo yêu cầu cài đặt.

Menu mức đen rộng hiển thị

Dùng để tự động chỉnh độ sáng hình ảnh nhằm đạt hiệu suất độ tương phản tối ưu.

Menu chế độ chơi game hiển thị

Bật tính năng này để giảm thời gian phản hồi (độ trễ đầu vào) xuống 8,6ms (1080p tại 120Hz) trong khi chơi game. Tất cả cài đặt hình học (ví dụ: Chỉnh vuông hình, Bốn góc) sẽ tắt khi bật Chế độ chơi game nâng cao. Thông tin chi tiết như ở dưới.

Lưu ý:

- Độ trễ đầu vào của các tín hiệu được mô tả trong bảng sau:
- Các giá trị trong bảng có thể khác nhau một chút.

Định giờ nguồn phát	Chế độ chơi game	Định giờ nguồn ra	Độ phân giải đầu ra	Độ trễ đầu vào
1080p60	Bật	1080p60Hz	1080p	17 mili giây
1080p120	Bật	1080p120Hz	1080p	8,6 mili giây*
4K60	Bật	1080p60Hz	1080p	17 mili giây*
1080p60	Tắt	1080p60Hz	1080p	49,5 mili giây
1080p120	Tắt	1080p120Hz	1080p	25 mili giây
4K60	Tắt	1080p60Hz	1080p	49,6 mili giây

- Chỉ hỗ trợ 1080P120 và 4K60 với mẫu 1080p.
- *Chỉ hỗ trợ trên mẫu 1080p.

Menu loại màn chiếu hiển thị

Chọn loại màn chiếu từ 4:3, 16:9 và 16:10.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Hiển thị menu Tỉ lệ khung hình

Chọn tỉ lệ khung hình của hình chiếu trong số các tùy chọn sau:

- **4:3:** Định dạng này áp dụng cho nguồn đầu vào 4:3.
- **16:9:** Định dạng này dành cho nguồn đầu vào 16:9, như HDTV và DVD nâng cao cho TV màn hình rộng.
- **16:10:** Định dạng này dành cho nguồn đầu vào 16:10.
- **Tự nhiên:** Định dạng này hiển thị hình ảnh gốc mà không chia bất kỳ tỉ lệ.
- **Tự động:** Tự động chọn định dạng hiển thị phù hợp.

Bảng tỉ lệ WXGA (loại màn hình 16x10):

Màn hình 16:10	480i/p	576i/p	1080i/p	720p	Máy tính
4x3	Chia tỷ lệ sang 1066x800.				
16x10	Chia tỷ lệ sang 1280x800.				
LBX	Chia tỉ lệ sang 1280x960 rồi cài đặt để hiển thị hình 1280x800 ở giữa				
Tự nhiên	Canh giữa hình chiếu 1:1.		Hiển thị ánh xạ 1:1 1280x800.	Canh giữa 1280 x 720	Canh giữa hình chiếu 1:1.
Tự động	- Nguồn vào sẽ thích hợp trong vùng hiển thị 1280x800 và sẽ duy trì tỷ lệ khung hình gốc. - Nếu nguồn vào là 4:3, loại màn hình sẽ có tỉ lệ là 1066x800. - Nếu nguồn vào là 16:9, loại màn hình sẽ có tỉ lệ là 1280x720. - Nếu nguồn vào là 15:9, loại màn hình sẽ có tỉ lệ là 1280x768. - Nếu nguồn vào là 16:10, loại màn hình sẽ có tỉ lệ là 1280x800.				

Quy tắc tự ánh xạ WXGA (loại màn chiếu 16x10):

Tự động	Độ phân giải đầu vào		Tự động/Chia tỉ lệ	
	Độ phân giải ngang	Độ phân giải dọc	1280	800
4:3	640	480	1066	800
	800	600	1066	800
	1024	768	1066	800
	1280	1024	1066	800
	1400	1050	1066	800
	1600	1200	1066	800
Laptop màn hình rộng	1280	720	1280	720
	1280	768	1280	768
	1280	800	1280	800
SDTV	720	576	1280	720
	720	480	1280	720
HDTV	1280	720	1280	720
	1920	1080	1280	720

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Bảng tỉ lệ WXGA (loại màn hình 16x9):

Màn hình 16:9	480i/p	576i/p	1080i/p	720p	Máy tính
4x3	Chia tỷ lệ sang 960x720.				
16x9	Chia tỷ lệ sang 1280x720.				
LBX	Chia tỉ lệ sang 1280x960 rồi cài đặt để hiển thị hình 1280x720 ở giữa				
Tự nhiên	Canh giữa hình chiếu 1:1.	Hiển thị ánh xạ 1:1 1280x720.	Canh giữa 1280 x 720	Canh giữa ánh xạ 1:1.	
Tự động	- Nếu chọn chọn tự động định dạng, loại màn chiếu sẽ tự động trở thành 16:9 (1280x720). - Nếu nguồn vào là 4:3, loại màn hình sẽ có tỉ lệ là 960x720. - Nếu nguồn vào là 16:9, loại màn hình sẽ có tỉ lệ là 1280x720. - Nếu nguồn vào là 15:9, loại màn hình sẽ có tỉ lệ là 1200x720. - Nếu nguồn vào là 16:10, loại màn hình sẽ có tỉ lệ là 1152x720.				

Quy tắc tự ánh xạ WXGA (loại màn chiếu 16x9):

Tự động	Độ phân giải đầu vào		Tự động/Chia tỉ lệ	
	Độ phân giải ngang	Độ phân giải dọc	1280	720
4:3	640	480	960	720
	800	600	960	720
	1024	768	960	720
	1280	1024	960	720
	1400	1050	960	720
	1600	1200	960	720
Laptop màn hình rộng	1280	720	1280	720
	1280	768	1200	720
	1280	800	1152	720
SDTV	720	576	1280	720
	720	480	1280	720
HDTV	1280	720	1280	720
	1920	1080	1280	720

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Bảng chia tỉ lệ 1080p:

Màn hình 16:9	480i/p	576i/p	1080i/p	720p	Máy tính
4x3	Chia tỷ lệ sang 1440x1080.				
16x9	Chia tỷ lệ sang 1920x1080.				
LBX	Chia tỉ lệ sang 1920x1440 rồi cài đặt để hiển thị hình 1920x1080 ở giữa				
Tự nhiên	- Đặt trọng tâm hình chiếu 1:1. - Sẽ không thực hiện chia tỷ lệ; hình sẽ hiển thị với độ phân giải dựa trên nguồn đầu vào.				
Tự động	- Nếu chọn chọn tự động định dạng, loại màn chiếu sẽ tự động trở thành 16:9 (1920x1080). - Nếu nguồn vào là 4:3 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 1440 x1080. - Nếu nguồn vào là 16:9, loại màn hình sẽ có tỉ lệ là 1920x1080. - Nếu nguồn vào là 16:10, loại màn hình sẽ tự động đổi sang 1920x1200 và cắt vùng 1920x1080 để hiển thị.				

Quy tắc tự bộ trí 1080p:

Tự động	Độ phân giải đầu vào		Tự động/Chia tỉ lệ	
	Độ phân giải ngang	Độ phân giải dọc	1920	1080
4:3	640	480	1440	1080
	800	600	1440	1080
	1024	768	1440	1080
	1280	1024	1440	1080
	1400	1050	1440	1080
	1600	1200	1440	1080
Laptop màn hình rộng	1280	720	1920	1080
	1280	768	1800	1080
	1280	800	1728	1080
SDTV	720	576	1350	1080
	720	480	1620	1080
HDTV	1280	720	1920	1080
	1920	1080	1920	1080

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Hiển thị menu hiệu chỉnh hình học

Chỉnh hình chiều dọc

Điều chỉnh độ méo hình ảnh theo chiều dọc và tạo hình ảnh vuông. Chỉnh vuông hình dọc được dùng để chỉnh sửa hình chiếu méo có biên phía trên và dưới bị nghiêng về một bên. Chức năng này nhằm mục đích sử dụng với các ứng dụng trục dọc.

Chỉnh vuông ngang

Điều chỉnh độ méo hình ảnh theo chiều ngang và tạo hình ảnh vuông. Chỉnh vuông hình ngang được dùng để chỉnh sửa hình chiếu méo có biên bên trái và bên phải không đều nhau. Chức năng này nhằm mục đích sử dụng với các ứng dụng trục ngang.

Lưu ý: Mẫu WXGA không hỗ trợ chức năng Chỉnh vuông ngang.

Điều chỉnh bốn góc

Cài đặt này cho phép hình ảnh được chiếu được điều chỉnh từ mỗi góc để tạo hình ảnh vuông góc khi mặt phẳng chiếu không phẳng.

Lưu ý: Mẫu WXGA không hỗ trợ chức năng Điều chỉnh bốn góc.

Thiết lập lại

Khôi phục cài đặt gốc cho cài đặt hiệu chỉnh hình học.

Hiển thị menu zoom số

Sử dụng để thu nhỏ hoặc phóng to hình trên màn hình chiếu. Thu phóng kỹ thuật số không giống như thu phóng quang học và có thể làm giảm chất lượng hình ảnh.

Lưu ý: Các cài đặt thu phóng vẫn được giữ lại khi tắt đi và bật lại máy chiếu.

Hiển thị menu Dịch chuyển hình ảnh

Điều chỉnh vị trí hình chiếu theo chiều ngang (H) hoặc dọc (V).

Menu thiết lập lại hiển thị

Khôi phục cài đặt gốc của các cài đặt hiển thị.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Menu thiết lập

Menu thiết lập mẫu thử

Chọn mẫu thử nghiệm từ lưới xanh lục, lưới đỏ tươi, lưới trắng, trắng hoặc tắt chức năng này (tắt).

Menu thiết lập ngôn ngữ

Chọn từ menu OSD đa ngôn ngữ giữa các tiếng sau: Anh, Đức, Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ba Lan, Hà Lan, Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch, Phần Lan, Hy Lạp, Hoa Phồn thể, Hoa Giản thể, Nhật, Hàn, Nga, Hungari, CH Séc, Ả Rập, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Farsi, Việt, Indonesia và Slovakia.

Menu thiết lập cài đặt

Vị trí thực đơn

Thiết lập vị trí của menu OSD trên màn hình.

Menu Timer

Cài thời lượng nơi mà menu OSD vẫn hiển thị trên màn hình.

Ẩn thông tin

Bật chức năng này để ẩn thông báo thông tin.

Menu thiết lập tăng tốc quạt

Khi chọn “Bật”, các quạt sẽ quay nhanh hơn. Tính năng này hữu ích tại các khu vực có nhiều độ cao nơi mà ít không khí.

Thiết lập menu Tùy chỉnh lọc

Thời gian sử dụng bộ lọc

Hiển thị giờ bộ lọc.

Bộ lọc tùy chọn được thiết lập

Lưu ý: Vui lòng tham khảo với nhân viên khu vực về bộ lọc tùy chọn này.

Thiết lập cài đặt tin cảnh báo.

- **Có:** Hiển thị thông tin cảnh báo sau 500 giờ sử dụng.

Lưu ý: “Thời gian sử dụng bộ lọc / Nhắc nhở bộ lọc / Thiết lập lại bộ lọc” sẽ chỉ hiển thị khi “Bộ lọc tùy chọn được thiết lập” là “Có”.

- **Không:** Tắt thông tin cảnh báo.

Nhắc nhở bộ lọc

Chọn chức năng này để hiển thị hoặc ẩn thông báo cảnh báo khi thông báo thay tấm lọc được hiển thị. Các tùy chọn có sẵn gồm Tắt, 300 giờ, 500 giờ, 800 giờ và 1000 giờ.

Thiết lập lại bộ lọc

Cài lại bộ đếm giờ bộ lọc bụi sau khi thay thế hoặc vệ sinh bộ lọc bụi.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Menu thiết lập tùy chỉnh nguồn

Bật nguồn trực tiếp

Chọn “Bật” để kích hoạt chế độ Nguồn trực tiếp. Máy chiếu sẽ tự động bật nguồn khi được có nguồn điện AC mà không cần ấn nút “Nguồn” trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.

Bật nguồn điện

Chọn “Bật” để kích hoạt chế độ Nguồn tín hiệu. Máy chiếu sẽ tự động bật nguồn khi tín hiệu đã được phát hiện, mà không cần nhấn phím “Nguồn” trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.

Lưu ý:

- Nếu “Bật” tùy chọn “Bật nguồn điện”, mức tiêu thụ điện của máy chiếu ở chế độ chờ sẽ lớn hơn 3W.
- Chức năng này có thể được áp dụng với nguồn tín hiệu HDMI.

Tắt nguồn tự động (phút)

Đặt thời gian cho bộ đếm giờ ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).

Hẹn giờ tắt máy (phút)

Đặt thời gian cho bộ đếm giờ ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi có hoặc không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).

Lưu ý: Hẹn giờ tắt máy sẽ được cài lại mỗi khi tắt nguồn máy chiếu.

Chế độ nguồn (Chờ)

Thiết lập cài đặt chế độ nguồn.

- **Tích cực:** Chọn “Tích cực” để trở về chế độ bình thường.
- **Eco.:** Chọn “Eco.” để tiết kiệm thêm mức tiêu hao điện dưới 0,5W.

Thiết lập menu bảo mật

Bảo mật

Bật chức năng này để nhắc nhập mật khẩu trước khi sử dụng máy chiếu.

- **Bật:** Chọn “Bật” để sử dụng xác nhận bảo mật khi bật máy chiếu.
- **Tắt:** Chọn “Tắt” để có thể bật máy chiếu mà không cần xác nhận mật khẩu.

Lưu ý: Mật khẩu mặc định là 1234

Bộ đếm thời gian an toàn

Chọn chức năng thời gian (Tháng /Ngày /Giờ) để đặt số giờ có thể sử dụng máy chiếu. Một khi thời gian này đã qua, bạn sẽ được yêu cầu nhập lại mật khẩu.

Đổi mật khẩu

Dùng để cài hoặc sửa mật khẩu được báo nhắc khi bật máy chiếu.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Menu thiết lập logo khởi động

Sử dụng chức năng này để cài đặt màn hình khởi động mong muốn. Nếu thực hiện các thay đổi, chúng sẽ có hiệu lực ở lần bật máy chiếu tiếp theo.

- **Mặc định:** Màn hình khởi động mặc định.
- **Trung lập:** Logo sẽ không hiển thị trên màn hình khởi động.
- **Người sử dụng:** Công cụ chụp hình nền được yêu cầu.
Lưu ý: *Hãy truy cập trang web để tải xuống công cụ chụp logo.
Định dạng file hỗ trợ: png/bmp/jpg*

Menu thiết lập màu nền

Sử dụng chức năng này để hiển thị màu Lam, Đỏ, Lục, Màu xám, Không hoặc màn hình biểu tượng khi không có tín hiệu.

Lưu ý: *Nếu màu nền được thiết lập thành “Không”, khi đó màu nền là màu đen.*

Thiết lập menu cài lại

Cài đặt OSD

Phục hồi cài đặt mặc định gốc cho thiết lập menu OSD.

Cài về mặc định

Phục hồi về cài đặt mặc định gốc cho mọi cài đặt.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Menu nguồn vào

Menu nguồn vào tự động

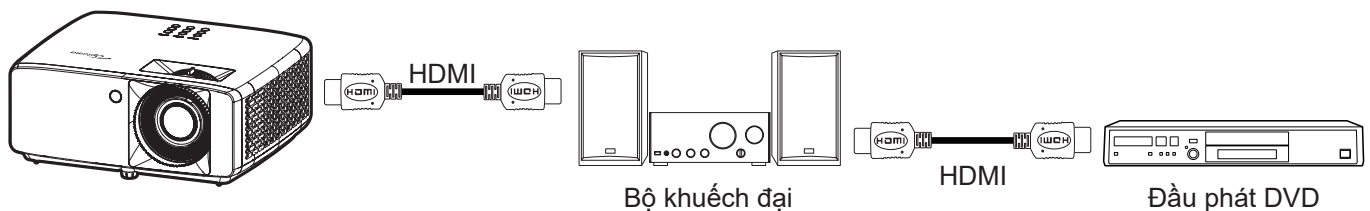
Chọn tùy chọn này để cho phép máy chiếu tự động tìm nguồn đầu vào khả dụng.

Menu tự động chuyển đổi nguồn vào

Máy chiếu sẽ tự động đổi nguồn tín hiệu vào khi phát hiện tín hiệu HDMI.

Menu cài đặt nguồn vào HDMI CEC

Lưu ý: Khi kết nối các thiết bị tương thích chuẩn HDMI CEC với máy chiếu bằng các cáp HDMI, bạn có thể kiểm soát chúng trên cùng tình trạng **Bật nguồn** hoặc **Tắt nguồn** qua tính năng kiểm soát **Liên kết HDMI** trên menu OSD của máy chiếu. Tùy chọn này cho phép bật nguồn hoặc tắt nguồn một thiết bị hoặc nhiều thiết bị trong một nhóm qua Tính năng **Liên kết HDMI** trong cấu hình chuẩn và đầu phát DVD của bạn có thể được kết nối với máy chiếu thông qua bộ âm li hoặc hệ thống nhà hát tại gia.



Liên kết HDMI

Bật/tắt chức năng Liên kết HDMI.

Bao gồm TV

Nếu được đặt thành “Có” thì sẽ có tùy chọn liên kết bật nguồn và tắt nguồn.

Liên kết cho bật nguồn

Lệnh bật nguồn CEC.

- **Liên kết tương hỗ:** Cả máy chiếu và thiết bị CEC sẽ được bật cùng một lúc.
- **PJ --> Thiết bị:** Thiết bị CEC sẽ được bật chỉ sau khi đã bật máy chiếu.
- **Thiết bị --> PJ:** Máy chiếu sẽ được bật chỉ sau khi đã bật thiết bị CEC.

Liên kết cho tắt nguồn

Bật chức năng này để cho phép cả Liên kết HDMI và máy chiếu được tắt tự động cùng một lúc.

Menu thiết lập lại nguồn vào

Khôi phục cài đặt gốc của các cài đặt đầu vào.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Menu Âm thanh

Menu Âm lượng

Chỉnh mức âm lượng.

Menu Tắt tiếng

Dùng tùy chọn này để tạm tắt âm.

- **Bật:** Chọn "Bật" để mở tiếng.
- **Tắt:** Chọn "Tắt" để tắt tiếng.

Lưu ý: Chức năng "Tắt âm" có ảnh hưởng đến cả âm lượng của loa trong và ngoài.

Menu thiết lập lại âm thanh

Khôi phục cài đặt gốc của các cài đặt âm thanh.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Menu Điều khiển

Menu điều chỉnh ID thiết bị

Có thể thiết lập định nghĩa Mã nhận dạng (ID) qua menu (biên độ từ 0-99), và cho phép người dùng điều khiển máy chiếu cá nhân bằng lệnh RS232.

Lưu ý: Để biết danh sách lệnh đầy đủ của RS232, vui lòng tham khảo sổ hướng dẫn sử dụng RS232 trên trang web của chúng tôi.

Menu cài đặt điều khiển

Chức năng IR

Thiết lập cài đặt chức năng IR.

- **Bật:** Khi chọn “Bật”, máy chiếu có thể được khởi động bằng điều khiển từ xa từ bộ thu hồng ngoại ở mặt trên và mặt trước.
- **Tắt:** Nếu chọn “Tắt”, bạn không thể sử dụng máy chiếu bằng điều khiển từ xa. Khi chọn “Tắt”, bạn sẽ có thể sử dụng bàn phím.

Menu cài đặt bàn phím

Khóa bàn phím

Khi chức năng khóa bàn phím là “Bật”, bàn phím sẽ bị khóa. Tuy nhiên, bạn có thể sử dụng máy chiếu bằng điều khiển từ xa. Khi chọn “Tắt”, bạn sẽ có thể sử dụng lại Bàn phím.

Menu điều chỉnh LAN

Định cấu hình cài đặt mạng của máy chiếu.

Trạng thái mạng

Hiển thị tình trạng kết nối mạng. (Chỉ đọc)

Địa chỉ MAC

Hiển thị địa chỉ MAC. (Chỉ đọc)

DHCP

Bật DHCP để tự động lấy địa chỉ IP, Mặt nạ mạng con, gateway và DNS.

Địa chỉ IP

Chỉ định địa chỉ IP của máy chiếu.

Mặt nạ mạng con

Chỉ định mặt nạ cấp dưới của máy chiếu.

Gateway

Chỉ định gateway của máy chiếu.

DNS

Chỉ định DNS của máy chiếu.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Cách sử dụng trình duyệt web để điều khiển máy chiếu của bạn

1. “Bật” tùy chọn DHCP trên máy chiếu để cho phép máy chủ DHCP tự động gán địa chỉ IP.
2. Mở trình duyệt web trên PC và nhập địa chỉ IP của máy chiếu (“Điều khiển > LAN > Địa chỉ IP”).
3. Nhập tên người dùng và mật khẩu, và nhấp “Đăng nhập”.
Giao diện web cấu hình máy chiếu sẽ mở ra.

Lưu ý:

- Tên người dùng và mật khẩu mặc định là “admin”.
- Các bước trong phần này dựa trên hệ điều hành Windows 10.

Thực hiện kết nối trực tiếp từ máy tính của bạn với máy chiếu*

1. Chuyển tùy chọn DHCP sang “Tắt” trên máy chiếu.
2. Định cấu hình Địa chỉ IP, Mặt nạ mạng con, Gateway và DNS trên máy chiếu (“Điều khiển > LAN”).
3. Mở trang **Mạng và Internet** trên PC, và gán các thông số mạng tương tự cho PC như đã thiết lập trên máy chiếu. Nhấp “Đồng ý” để lưu lại các thông số.



4. Mở trình duyệt web trên PC của bạn và nhập vào mục URL địa chỉ IP đã được gán ở bước 3. Sau đó nhấn phím “Enter”.

Thiết lập lại

Thiết lập lại cài đặt mạng về giá trị mặc định gốc.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Menu điều chỉnh điều khiển

Bạn có thể điều khiển máy chiếu này từ xa bằng một máy tính hoặc thiết bị bên ngoài thông qua kết nối mạng có dây. Làm như vậy cho phép người dùng điều khiển một hoặc nhiều máy chiếu từ một trung tâm điều khiển từ xa, ví dụ như bật hoặc tắt máy chiếu, điều chỉnh độ sáng hoặc độ tương phản của hình ảnh.

Dùng menu phụ Điều khiển để chọn thiết bị điều khiển cho máy chiếu.

Crestron

Điều khiển máy chiếu bằng bộ điều khiển Crestron và phần mềm liên quan. (Cổng: 41794)

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.crestron.com>.

Extron

Điều khiển máy chiếu bằng thiết bị Extron. (Cổng: 2023)

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.extron.com>.

Liên kết PJ

Điều khiển máy chiếu bằng lệnh PJLink v2.0. (Cổng: 4352)

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://pjlink.jbmia.or.jp/english>.

Phát hiện thiết bị AMX

Điều khiển máy chiếu bằng thiết bị AMX. (Cổng: 9131)

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.amx.com>.

Telnet

Điều khiển máy chiếu bằng lệnh RS232 qua kết nối Telnet. (Cổng: 23)

Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo "Chức năng RS232 by Telnet" ở trang 53.

HTTP

Điều khiển máy chiếu bằng trình duyệt web. (Cổng: 80)

Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo "Cách sử dụng trình duyệt web để điều khiển máy chiếu của bạn" ở trang 44.

Lưu ý:

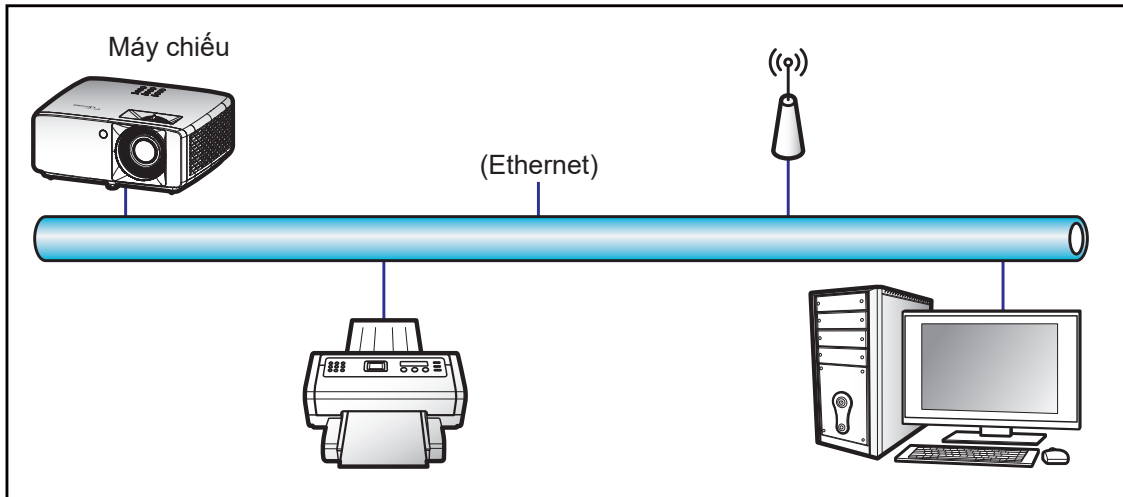
- Crestron là thương hiệu đã đăng ký của Crestron Electronics, Inc. tại Mỹ.
- Extron là thương hiệu đã đăng ký của Extron Electronics, Inc tại Mỹ.
- AMX là thương hiệu đã đăng ký của AMX LLC tại Mỹ.
- PJLink được áp dụng cho giấy phép đăng ký thương hiệu và logo tại Nhật, Mỹ và các quốc gia khác bởi JBMIA.
- Để có thêm thông tin về các loại thiết bị ngoại vi khác nhau vốn có thể được kết nối với cổng LAN/RJ45 và điều khiển máy chiếu từ xa, cũng như các lệnh hỗ trợ cho các thiết bị ngoại vi này, vui lòng liên hệ trực tiếp với Nhóm Hỗ trợ Dịch vụ.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Menu Thiết lập cài đặt kiểm soát mạng.

Chức năng LAN RJ45

Để người dùng vận hành đơn giản và tiện lợi, máy chiếu cung cấp nhiều tính năng kết nối mạng và quản lý từ xa. Chức năng LAN/RJ45 của máy chiếu qua mạng như quản lý từ xa: Bật/tắt nguồn, cài đặt độ sáng và độ tương phản. Ngoài ra, bạn có thể xem thông tin tình trạng máy chiếu như: Nguồn - Video, Tắt - Âm thanh, v.v.



Chức năng đầu cuối mạng LAN có dây

Có thể điều khiển máy chiếu này bằng PC (laptop) hoặc thiết bị ngoại vi khác qua cổng LAN/RJ45 và tương thích với Crestron/Extron/AMX (Device Discovery)/PJLink.

- Crestron là thương hiệu đã đăng ký của Crestron Electronics, Inc. tại Mỹ.
- Extron là thương hiệu đã đăng ký của Extron Electronics, Inc tại Mỹ.
- AMX là thương hiệu đã đăng ký của AMX LLC tại Mỹ.
- PJLink được áp dụng cho giấy phép đăng ký thương hiệu và logo tại Nhật, Mỹ và các quốc gia khác bởi JBMIA.

Máy chiếu được hỗ trợ bởi các lệnh quy định từ bộ điều khiển và phần mềm liên quan của Crestron Electronics, ví dụ như RoomView®.

<http://www.crestron.com/>

Máy chiếu này tương thích để hỗ trợ (các) thiết bị tham chiếu Extron.

<http://www.extron.com/>

Máy chiếu này được hỗ trợ bởi AMX (Device Discovery).

<http://www.amx.com/>

Máy chiếu này hỗ trợ tất cả các lệnh của PJLink Loại 1 (Phiên bản 1.00).

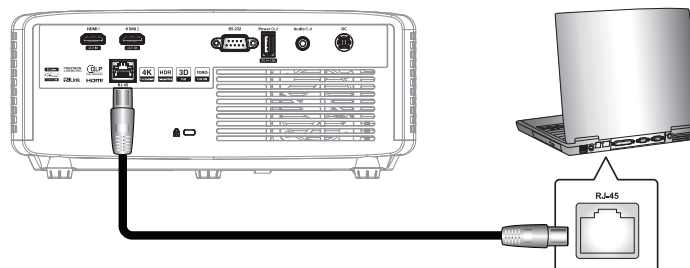
<http://pjlink.jbmia.or.jp/english/>

Để có thêm thông tin chi tiết về các loại thiết bị ngoại vi khác nhau vốn có thể được kết nối với cổng LAN/RJ45 và điều khiển máy chiếu từ xa, cũng như các lệnh hỗ trợ cho các thiết bị ngoại vi này, vui lòng liên hệ trực tiếp với Nhóm Hỗ trợ Dịch vụ.

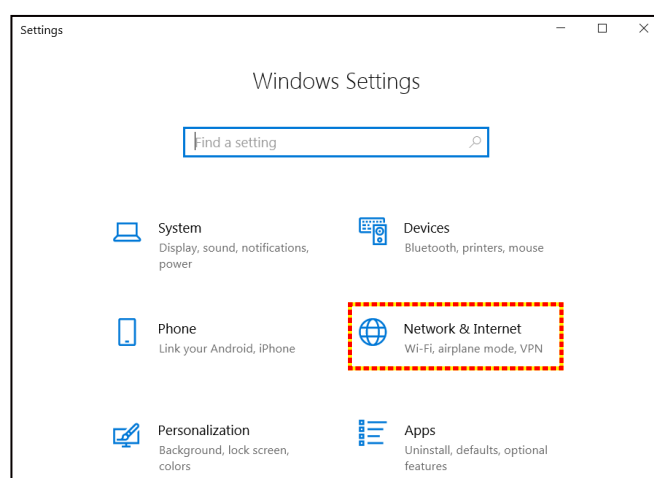
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

LAN RJ45

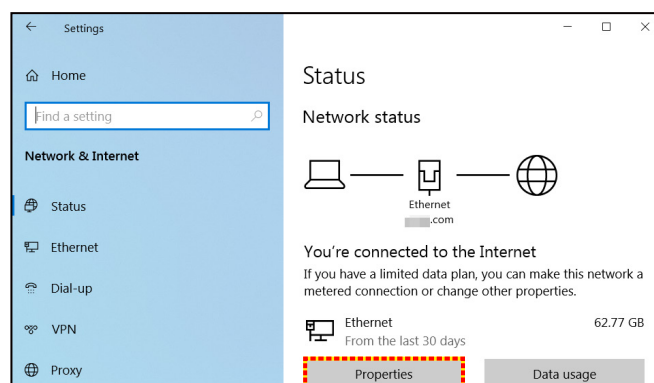
1. Cắm cáp RJ45 vào các cổng RJ45 trên máy chiếu và PC (laptop).



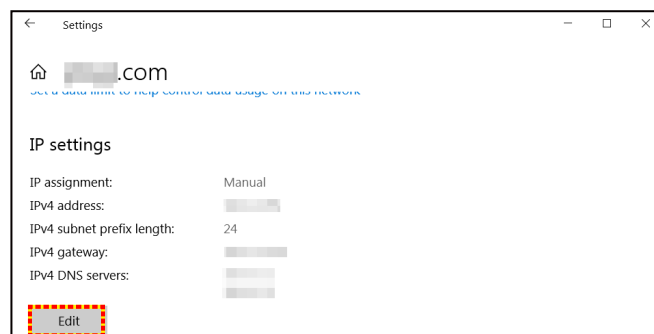
2. Trên PC (Laptop), chọn **Bắt đầu**  > **Cài đặt**  > **Mạng và Internet**.



3. Trong phần **Ethernet**, chọn **Thuộc tính**.

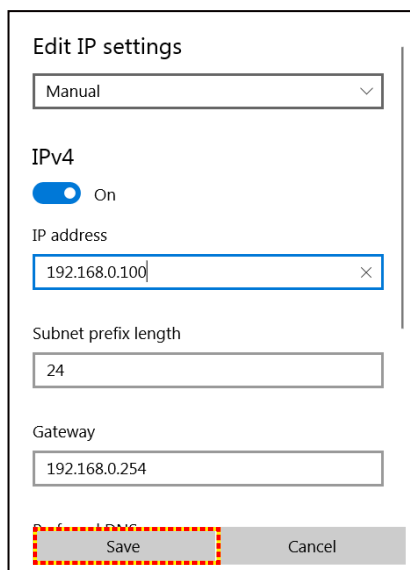


4. Trong phần **Cài đặt IP**, chọn **Chỉnh sửa**.



THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

5. Điền các mục địa chỉ IP và Gateway rồi chọn "Lưu".



Edit IP settings

Manual

IPv4

On

IP address

192.168.0.100

Subnet prefix length

24

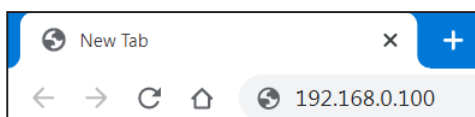
Gateway

192.168.0.254

DNS

Save Cancel

6. Nhấn nút "Menu" trên máy chiếu.
7. Mở trên máy chiếu **Điều khiển > LAN**.
8. Nhập các thông số kết nối sau:
- DHCP: Tắt
 - Địa chỉ IP: 192.168.0.100
 - Mặt nạ mạng con: 255.255.255.0
 - Gateway: 192.168.0.254
 - DNS: 192.168.0.51
9. Nhấn "Enter" để xác nhận các cài đặt.
10. Mở trình duyệt web, chẳng hạn như Microsoft Edge hoặc Chrome với phiên bản Adobe Flash Player 9.0 trở lên.
11. Trong thanh Địa chỉ, nhập địa chỉ IP của máy chiếu: 192.168.0.100.



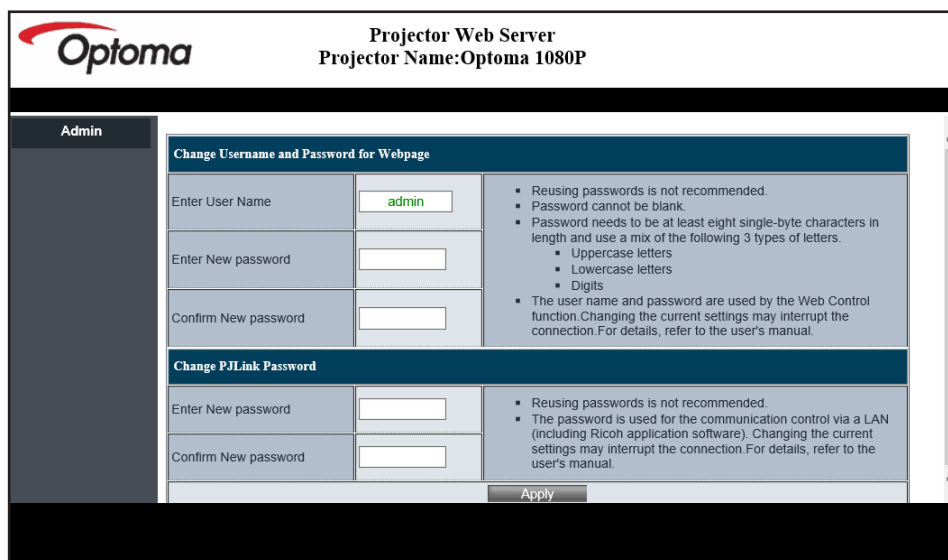
12. Nhấn "Enter".

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Máy chiếu được cài đặt để quản lý từ xa. Chức năng LAN/RJ45 sẽ hiển thị như sau:

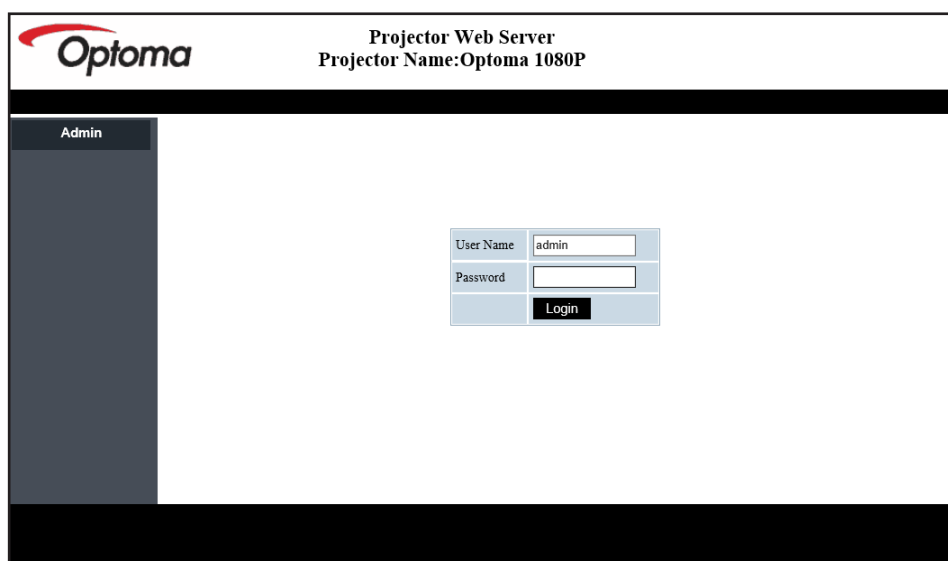
Đăng nhập

Khi bạn mở trang web này lần đầu, bạn sẽ nhìn thấy màn hình như ở phía dưới.
Vui lòng nhập mật khẩu người dùng hợp lệ.



The screenshot shows the 'Projector Web Server' interface for an 'Optoma 1080P' projector. On the left is a dark sidebar with an 'Admin' button. The main content area has a header with the Optoma logo and the projector name. Below this, there are two sections for changing passwords. The first section, 'Change Username and Password for Webpage', contains three input fields: 'Enter User Name' (with 'admin' entered), 'Enter New password', and 'Confirm New password'. To the right of these fields is a list of password requirements: 'Reusing passwords is not recommended', 'Password cannot be blank', and 'Password needs to be at least eight single-byte characters in length and use a mix of the following 3 types of letters' (Uppercase letters, Lowercase letters, Digits). The second section, 'Change PJLink Password', contains two input fields: 'Enter New password' and 'Confirm New password', with similar password requirements. An 'Apply' button is at the bottom right of the form area.

Khi bạn mở trang web này sau khi nhập mật khẩu hợp lệ, bạn sẽ nhìn thấy màn hình như ở phía dưới. Nhập mật khẩu vào trường "Mật khẩu".



The screenshot shows the 'Projector Web Server' interface for an 'Optoma 1080P' projector. On the left is a dark sidebar with an 'Admin' button. The main content area has a header with the Optoma logo and the projector name. In the center of the page is a login form with two input fields: 'User Name' (with 'admin' entered) and 'Password'. Below these fields is a 'Login' button.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Trạng thái hệ thống

Trạng thái hiện tại của máy chiếu sẽ hiển thị. Bạn có thể kiểm tra tên mẫu máy chiếu, phiên bản phần mềm, cấu hình LAN hiện tại và thay đổi ngôn ngữ giao diện nếu cần thiết.

Tên phiên bản hiển thị trên trang web trong sơ đồ có thể khác so với thực tế.

The screenshot shows the 'Admin - System Status' page of the Optoma Projector Web Server. The page has a sidebar with navigation links: System Status, General Setup, Projector Control, Network Setup, Alert Setup, Crestron, Reset to Default, and Reboot System. The main content area displays the following information:

Projector Web Server	
Projector Name: Optoma 1080P	
Model Name	Optoma 1080P
Projector Name	Optoma 1080P
FW Version	
System	B01.03
LAN	X15
LAN Status	
IP Address	192.168.0.100
Subnet Mask	255.255.255.0
Default Gateway	192.168.0.254
MAC Address	00:50:41:8F:7A:B4

At the bottom, there is a language dropdown menu set to 'English' and an 'Apply' button.

Cài đặt chung

Tên máy chiếu đã đặt ở đây cũng sẽ được dùng để điều khiển bằng PJLink. Chỉ có thể sử dụng ký tự chữ và số để đặt tên máy chiếu. Số ký tự tối đa là 32.

Bạn chỉ có thể sử dụng ký tự chữ và số trong mật khẩu. Số ký tự tối thiểu là 8. Nếu bạn nhập một ký tự không hợp lệ, cảnh báo "Ký tự không hợp lệ" sẽ hiện lên.

Nếu các ký tự trong mật khẩu mới và ký tự trong trường nhập lại mật khẩu (mới) không trùng khớp, sẽ có thông báo lỗi hiện lên. Trong trường hợp này, hãy nhập lại mật khẩu.

The screenshot shows the 'Admin - General Setup' page of the Optoma Projector Web Server. The page has a sidebar with navigation links: System Status, General Setup, Projector Control, Network Setup, Alert Setup, Crestron, Reset to Default, and Reboot System. The main content area displays the following information:

Projector Name:

Change User name and password for Webpage

Enter User name	admin	- Reusing passwords is not recommended. - Password cannot be blank. - Password needs to be at least eight single-byte characters in length and use a mix of the following 3 types of letters. - Uppercase letters - Lowercase letters - Digits - The user name and password are used by the Web Control function. Changing the current settings may interrupt the connection. For details, refer to the user's manual.
Enter Old password		
Enter New password		
Confirm New password		

PJLink Setting

PJLink Password	☐ Enable ☒ Disable	
Current Password		- Reusing passwords is not recommended. - The password is used for the communication control via a LAN (including Ricoh application software). Changing the current settings may interrupt the connection. For details, refer to the user's manual.
New Password		
Confirm Password		

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Điều khiển máy chiếu

Bạn có thể điều khiển máy chiếu bằng mục này. Các mục điều khiển sẽ được mô tả trong phần này.

Nút điều khiển: Khi bạn nhấn một nút, chức năng tương ứng sẽ được thực hiện.

The screenshot shows the 'Projector Web Server' interface for an 'Optoma 1080P' projector. The 'Admin > Projector Control' section is active. On the left is a sidebar menu with options: System Status, General Setup, Projector Control, Network Setup, Alert Setup, Crestron, Reset to Default, and Reboot System. The main content area is divided into three columns. The first column contains buttons: Power On, Power Off, Auto Set, Input, Auto Source, AV Mute, Freeze, 3D Format (set to Auto), and L/R Reverse. The second column contains input fields for Image settings: Input (HDMI1), Brightness (0), Contrast (0), Sharpness (10), and Display Mode (Cinema). The third column contains Audio and Management settings: Volume (5), Auto Power Off (Min.) (20), Lamp Power Mode (Bright), and Aspect Ratio (4:3). A 'Logout' button is in the top right corner.

Cài đặt mạng

Cài đặt mạng cho máy chiếu.

The screenshot shows the 'Projector Web Server' interface for an 'Optoma 1080P' projector. The 'Admin > Network Setup' section is active. The sidebar menu is the same as in the previous screenshot. The main content area shows the 'IP Setup' section. It includes a 'DHCP' toggle set to 'Off'. Below it are four rows of IP configuration fields: IP Address (192, 168, 0, 100), Subnet Mask (255, 255, 255, 0), Default Gateway (192, 168, 0, 254), and DNS Server (192, 168, 0, 51). An 'Apply' button is at the bottom of the configuration fields. A 'Logout' button is in the top right corner.

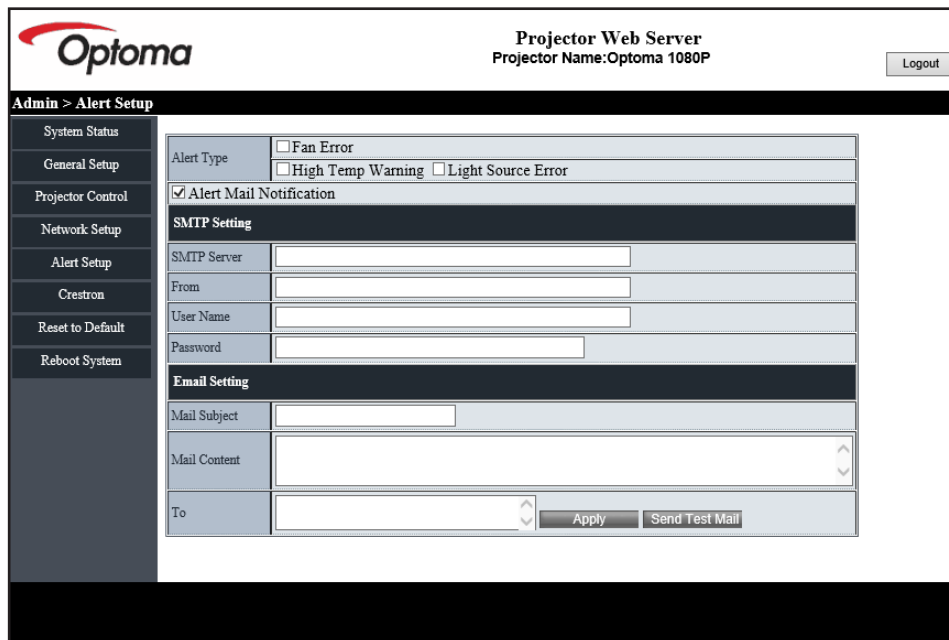
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Cài đặt cảnh báo

Bạn có thể gửi email cảnh báo khi có lỗi xảy ra. Bạn có thể tiến hành cài đặt thư cảnh báo trong phần này.

1. Loại cảnh báo: Kiểm tra loại lỗi mà bạn muốn gửi thư cảnh báo.
2. Thông báo thư cảnh báo: Kiểm tra và tiến hành cài đặt như sau:
 - Cài đặt SMTP: Cài đặt như sau:
 - a) Máy chủ SMTP: Địa chỉ máy chủ (tên máy chủ) (máy chủ SMTP)
 - b) From: địa chỉ e-mail của người gửi
 - c) Tên người dùng: Tên người dùng trong máy chủ e-mail
 - d) Password: Mật khẩu máy chủ e-mail.
 - Cài đặt email: Cài đặt như sau:
 - a) Tiêu đề thư
 - b) Nội dung thư
 - c) To: Nhập địa chỉ e-mail của người nhận.
3. Nhấn "Áp dụng" để sửa giá trị.
4. Nhập địa chỉ IP của máy chiếu vào *xxx.xxx.xxx.xxx.
5. Gửi thư kiểm tra.

Khi bạn nhấn [Gửi thư kiểm tra], hệ thống sẽ gửi thư mẫu kiểm tra. Văn bản sẽ là "Email Test xxx.xxx.xxx.xxx *".



The screenshot shows the 'Admin > Alert Setup' page of the Optoma Projector Web Server. The page has a sidebar with navigation links: System Status, General Setup, Projector Control, Network Setup, Alert Setup (selected), Crestron, Reset to Default, and Reboot System. The main content area is divided into sections: 'Alert Type' with checkboxes for Fan Error, High Temp Warning, and Light Source Error; 'Alert Mail Notification' with a checked checkbox; 'SMTP Setting' with fields for SMTP Server, From, User Name, and Password; and 'Email Setting' with fields for Mail Subject, Mail Content, and To. There are 'Apply' and 'Send Test Mail' buttons at the bottom right of the form.

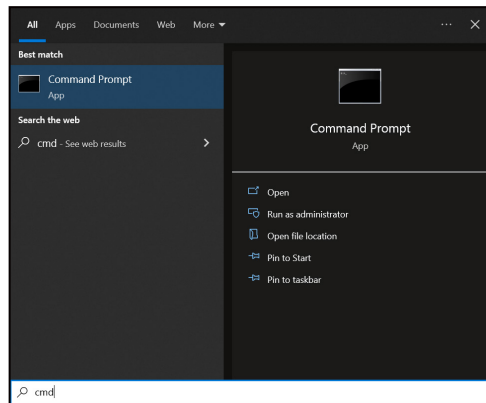
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Chức năng RS232 by Telnet

Như một hình thức điều khiển thay thế, máy chiếu này có lệnh điều khiển RS232 qua TELNET dành cho giao tiếp LAN / RJ45.

Hướng dẫn khởi động nhanh cho "RS232 by Telnet"

- Kiểm tra và xem địa chỉ IP trên menu OSD của máy chiếu.
 - Đảm bảo PC/laptop có thể truy cập trang web của máy chiếu.
 - Đảm bảo cài đặt "Windows Firewall" được cài sang Disabled (Đã tắt) trong trường hợp lọc chức năng "TELNET" qua PC/laptop.
1. Nhấn vào **Tim kiếm**  và sau đó nhập "cmd" vào ô tìm kiếm. Nhấn phím "Enter".



2. Mở ứng dụng Command Prompt.
3. Nhập định dạng lệnh như sau:
 - telnet ttt.xxx.yyy.zzz 23 (Đã nhấn phím "Enter")
 - (ttt.xxx.yyy.zzz: địa chỉ IP của máy chiếu)
4. Nếu Kết nối Telnet đã sẵn sàng và người dùng có thể nhập lệnh RS232, hãy nhấn phím "Enter" và kết nối Telnet sẽ sẵn sàng để điều khiển bằng lệnh RS232.

Thông số kỹ thuật cho "RS232 by TELNET":

1. Telnet: TCP.
2. Cổng Telnet: 23 (để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với đội ngũ dịch vụ của Optoma).
3. Tiện ích Telnet: Windows "TELNET.exe" (chế độ bảng điều khiển).
4. Để kết thúc phiên Telnet này, hãy đóng cửa sổ ứng dụng Command Prompt.
5. Kết nối trực tiếp tiện ích Windows Telnet sau khi kết nối TELNET đã sẵn sàng.
 - Giới hạn 1 cho Telnet-Control: Không thể có ít hơn 50 byte cho lưu lượng mạng liên tiếp đối với ứng dụng Telnet-Control.
 - Giới hạn 2 cho Telnet-Control: Không thể có ít hơn 26 byte cho lệnh RS232 liên tiếp đối với Telnet-Control.
 - Giới hạn 3 cho Telnet-Control: Độ trễ tối thiểu cho lệnh tiếp theo phải nhiều hơn 200 mili giây (ms).

Menu thiết lập lại điều khiển

Khôi phục cài đặt gốc của các cài đặt điều khiển.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Menu thông tin

Menu thông tin

Xem thông tin máy chiếu như liệt kê sau đây:

- Điều khiển
- Số Seri
- Nguồn tín hiệu
- Thông tin màu sắc
- Light Source Hours
- Chế độ hình ảnh
- ID thiết bị
- Thời gian sử dụng bộ lọc
- Chế độ nguồn ánh sáng
- Phiên bản FW

THÔNG TIN BỔ SUNG

Độ phân giải tương thích

Tín hiệu đầu vào cho HDMI

Tín hiệu	Độ phân giải	Tốc độ cập nhật (Hz)	Các ghi chú cho máy Mac
VGA	640 x 480	60	Mac 60/72/85/
SVGA	800 x 600	60(*2)/72/85/120(*2)	Mac 60/72/85
XGA	1024 x 768	48/50(*4)/60(*2)/70/75/85/120(*2)	Mac 60/70/75/85
SDTV(480I)	720 x 480	60	
SDTV(480P)	720 x 480	60	
SDTV(576I)	720 x 576	50	
SDTV(576P)	720 x 576	50	
WSVGA(1024x600)	1024 x 600	60 (*3)	
HDTV(720p)	1280 x 720	50(*2)/60/120(*2)	Mac 60
WXGA	1280 x 768	60/75/85	Mac 75
WXGA	1280 x 800	60/50/48hz(*4)	Mac 60
WXGA(*5)	1366 x 768	60	
SXGA	1280 x 1024	60/75/85	Mac 60/75
SXGA	1440 x 900	60	Mac 60/75
SXGA+	1400 x 1050	60	
UXGA	1600 x 1200	60	
HDTV(1080I)	1920 x 1080	50/60	
HDTV(1080p)	1920 x 1080	24/30/50/60	Mac 60
WUXGA	1920 x 1200(*1)	60/50(*4)	Mac 60

Lưu ý:

- (*1) 1920 x 1200 tại 60 Hz chỉ hỗ trợ RB (giảm mất tín hiệu).
- (*2) Định giờ 3D cho máy chiếu 3D Ready (STD) và máy chiếu True 3D (Tùy chọn).
- (*3) Máy chiếu New EA & Data cần phải có định giờ này, WSVGA, Proscene và Home thì có cũng tốt.
- (*4) Máy chiếu Proscene và Data >4,000L, Độ phân giải gốc cần phải hỗ trợ 50 Hz / 48 Hz.
- (*5) Định giờ tiêu chuẩn Windows 8.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Tương thích video True 3D

Độ phân giải đầu vào	Đầu vào HDMI 1.4a 3D	Định giờ đầu vào				
		1280 x 720P tại 50Hz	Trên và dưới			
		1280 x 720P tại 60Hz	Trên và dưới			
		1280 x 720P tại 50Hz	Đóng gói khung			
		1280 x 720P tại 60Hz	Đóng gói khung			
		1920 x 1080i tại 50Hz	Bên cạnh (Một nửa)			
		1920 x 1080i tại 60Hz	Bên cạnh (Một nửa)			
		1920 x 1080P tại 24Hz	Trên và dưới			
		1920 x 1080P tại 24Hz	Đóng gói khung			
	HDMI 1.3	1920 x 1080i tại 50Hz	Bên cạnh (Một nửa)	Chế độ bên cạnh bật		
		1920 x 1080i tại 60Hz				
		1280 x 720P tại 50Hz				
		1280 x 720P tại 60Hz				
		800 x 600 tại 60Hz				
		1024 x 768 tại 60Hz				
		1280 x 800 tại 60Hz				
		1920 x 1080i tại 50Hz				
		1920 x 1080i tại 60Hz				
		1280 x 720P tại 50Hz				
		1280 x 720P tại 60Hz			Trên và dưới	Chế độ trên và dưới bật
		800 x 600 tại 60Hz				
		1024 x 768 tại 60Hz				
		1280 x 800 tại 60Hz				
		1024 x 768 tại 120Hz	Khung tuần tự	Định dạng 3D là Khung tuần tự		
		1280 x 720 tại 120Hz				

Lưu ý:

- Nếu đầu vào 3D là 1080p tại 24hz, DMD sẽ phát lại với nhiều nội dung bên trong qua chế độ 3D
- 1080I tại 25Hz và 720p tại 50Hz sẽ chạy ở mức 100Hz; các định giờ 3D khác sẽ chạy ở mức 120Hz.
- 1080P tại 24Hz sẽ chạy ở mức 144Hz.

THÔNG TIN BỔ SUNG

EDID (Kỹ thuật số)

WXGA				
B0/Định giờ cố định	B0/Định giờ chuẩn	B0/Định giờ chi tiết	B1/Chế độ video	B1/Định giờ chi tiết
640 x 480 tại 60Hz	1600 x 1200 tại 60Hz	Định giờ gốc:	640 x 480p tại 60Hz	1280 x 800p tại 120Hz
640 x 480 tại 67Hz	1440 x 900 tại 60Hz	1280 x 800 tại 60Hz	720 (1440) x 480i tại 60Hz	1366 x 768 tại 60Hz
640 x 480 tại 72Hz	1280 x 720 tại 60Hz		720 (1440) x 576i tại 50Hz	1920 x 1080p tại 50Hz
640 x 480 tại 75Hz	1280 x 800 tại 60Hz		720 x 480p tại 60Hz	1920 x 1080p tại 60Hz
800 x 600 tại 56Hz	640 x 480 tại 120Hz		720 x 576p tại 50Hz	
800 x 600 tại 60Hz	800 x 600 tại 120Hz		1280 x 720p tại 60Hz	
800 x 600 tại 72Hz	1024 x 768 tại 120Hz		1280 x 720p tại 50Hz	
800 x 600 tại 75Hz	1280 x 720 tại 120Hz		1920 x 1080i tại 60Hz	
1024 x 768 tại 60Hz			1920 x 1080i tại 50Hz	
1024 x 768 tại 70Hz			1920 x 1080p tại 60Hz	
1024 x 768 tại 75Hz			1920 x 1080p tại 50Hz	
1280 x 1024 tại 75Hz			1920 x 1080p tại 24Hz	
1152 x 870 tại 75Hz			1920 x 1080p tại 25Hz	
			1920 x 1080p tại 30Hz	

1080p				
B0/Định giờ cố định	B0/Định giờ chuẩn	B0/Định giờ chi tiết	B1/Chế độ video	B1/Định giờ chi tiết
640 x 480 tại 60Hz	1280 x 1024 tại 60Hz	Định giờ gốc:	720(1440) x 480i tại 60Hz 4:3	3840 x 2160p tại 60Hz
640 x 480 tại 67Hz	1400 x 1050 tại 60Hz	1920 x 1080p tại 60Hz	720(1440) x 576i tại 50Hz 4:3	
640 x 480 tại 72Hz	1024 x 768 tại 120Hz		720 x 480p tại 60Hz 4:3	
640 x 480 tại 75Hz	1280 x 720 tại 60Hz		720 x 576p tại 50Hz 4:3	
800 x 600 tại 56Hz	1280 x 720 tại 120Hz		1280 x 720p tại 60Hz 16:9	
800 x 600 tại 60Hz	1280 x 800 tại 60Hz		1280 x 720p tại 50Hz 16:9	
800 x 600 tại 72Hz	1440 x 900 tại 60Hz		1920 x 1080i tại 60Hz 16:9	
800 x 600 tại 75Hz	1600 x 1200 tại 60Hz		640 x 480p tại 60Hz 4:3	
1024 x 768 tại 60Hz			1920 x 1080p tại 60Hz 16:9	
1024 x 768 tại 70Hz			1920 x 1080p tại 50Hz 16:9	
1024 x 768 tại 75Hz			1920 x 1080p tại 24Hz 16:9	
1280 x 1024 tại 75Hz			1920 x 1080p tại 30Hz 16:9	
1152 x 870 tại 75Hz			1920 x 1080p tại 120Hz 16:9	
			3840 x 2160p tại 24Hz 16:9	
			3840 x 2160p tại 25Hz 16:9	
			3840 x 2160p tại 30Hz 16:9	
			3840 x 2160p tại 50Hz 16:9	
			3840 x 2160p tại 60Hz 16:9	
			4096 x 2160p tại 24Hz 256:135	
			4096 x 2160p tại 25Hz 256:135	
			4096 x 2160p tại 30Hz 256:135	
			4096 x 2160p tại 50Hz 256:135	

THÔNG TIN BỔ SUNG

1080p				
B0/Định giờ cố định	B0/Định giờ chuẩn	B0/Định giờ chi tiết	B1/Chế độ video	B1/Định giờ chi tiết
			4096 x 2160p tại 60Hz 256:135	
			720 x 480p tại 60Hz 16:9	
			720(1440) x 480i tại 60Hz 16:9	
			720 x 576p tại 50Hz 16:9	
			2880 x 480i tại 60Hz 16:9	
			1440 x 480p tại 60Hz 16:9	
			2880 x 576i tại 50Hz 16:9	
			1440 x 576p tại 50Hz 16:9	
			720(1440) x 576i tại 50Hz 16:9	

THÔNG TIN BỔ SUNG

Cỡ hình và khoảng cách chiếu

Mẫu WXGA

Kích thước độ dài đường chéo màn hình (16:10)	Cơ màn hình (Rộng x Cao)				Khoảng cách chiếu (D)				Bù trừ (Hd)	
	(m)		(inch)		(m)		(foot)			
	Chiều rộng	Chiều cao	Chiều rộng	Chiều cao	Rộng	Xa	Rộng	Xa	(m)	(inch)
30	0,65	0,40	25,44	15,90	0,77	1,00	2,52	3,27	0,05	1,91
40	0,86	0,54	33,92	21,20	1,02	1,33	3,36	4,36	0,06	2,54
50	1,08	0,67	42,40	26,50	1,28	1,66	4,19	5,46	0,08	3,18
60	1,29	0,81	50,88	31,80	1,53	2,00	5,03	6,55	0,10	3,82
70	1,51	0,94	59,36	37,10	1,79	2,33	5,87	7,64	0,11	4,45
80	1,72	1,08	67,84	42,40	2,05	2,66	6,71	8,73	0,13	5,09
90	1,94	1,21	76,32	47,70	2,30	2,99	7,55	9,82	0,15	5,72
100	2,15	1,35	84,80	53,00	2,56	3,33	8,39	10,91	0,16	6,36
120	2,58	1,62	101,76	63,60	3,07	3,99	10,07	13,09	0,19	7,63
150	3,23	2,02	127,20	79,50	3,84	4,99	12,58	16,37	0,24	9,54
180	3,88	2,42	152,64	95,40	4,60	5,99	15,10	19,64	0,29	11,45
200	4,31	2,69	169,60	106,00	5,11	6,65	16,78	21,82	0,32	12,72
250	5,38	3,37	212,00	132,50	6,39	8,31	20,97	27,28	0,40	15,90
300	6,46	4,04	254,40	159	7,67	9,98	25,16	32,73	0,48	19,08

- Lưu ý:**
- *Tỉ lệ thu phóng: 1,3x*
 - *Giá trị dịch chuyển thấu kính dọc được dựa trên tâm điểm của thấu kính máy chiếu, nếu tính dựa theo tâm điểm của thấu kính máy chiếu. Tất cả các giá trị dịch chuyển thấu kính dọc đều phải thêm 5,2 cm (2,05 inch).*

Mẫu 1080p

Kích thước độ dài đường chéo màn hình (16:10)	Cỡ màn hình (Rộng x Cao)				Khoảng cách chiếu (D)				Bù trừ (Hd)	
	(m)		(inch)		(m)		(foot)			
	Chiều rộng	Chiều cao	Chiều rộng	Chiều cao	Rộng	Xa	Rộng	Xa	(m)	(inch)
30	0,66	0,37	26,15	14,71	0,75	0,98	2,46	3,20	0,06	2,35
40	0,89	0,50	34,86	19,61	1,00	1,30	3,28	4,27	0,08	3,14
50	1,11	0,62	43,58	24,51	1,25	1,63	4,10	5,34	0,10	3,92
60	1,33	0,75	52,29	29,42	1,50	1,95	4,92	6,41	0,12	4,71
70	1,55	0,87	61,01	34,32	1,75	2,28	5,75	7,47	0,14	5,49
80	1,77	1,00	69,73	39,22	2,00	2,60	6,57	8,54	0,16	6,28
90	1,99	1,12	78,44	44,12	2,25	2,93	7,39	9,61	0,18	7,06
100	2,21	1,25	87,16	49,03	2,50	3,25	8,21	10,68	0,20	7,84
120	2,66	1,49	104,59	58,83	3,00	3,91	9,85	12,81	0,24	9,41
150	3,32	1,87	130,74	73,54	3,75	4,88	12,31	16,02	0,30	11,77
180	3,98	2,24	156,88	88,25	4,50	5,86	14,77	19,22	0,36	14,12
200	4,43	2,49	174,32	98,05	5,00	6,51	16,41	21,35	0,40	15,69
250	5,53	3,11	217,89	122,57	6,25	8,14	20,52	26,69	0,50	19,61
300	6,64	3,74	261,47	147,08	7,50	9,76	24,62	32,03	0,60	23,53

- Lưu ý:**
- *Tỉ lệ thu phóng: 1,3x*
 - *Giá trị dịch chuyển thấu kính dọc được dựa trên tâm điểm của thấu kính máy chiếu, nếu tính dựa theo tâm điểm của thấu kính máy chiếu. Tất cả các giá trị dịch chuyển thấu kính dọc đều phải thêm 5,2 cm (2,05 inch).*

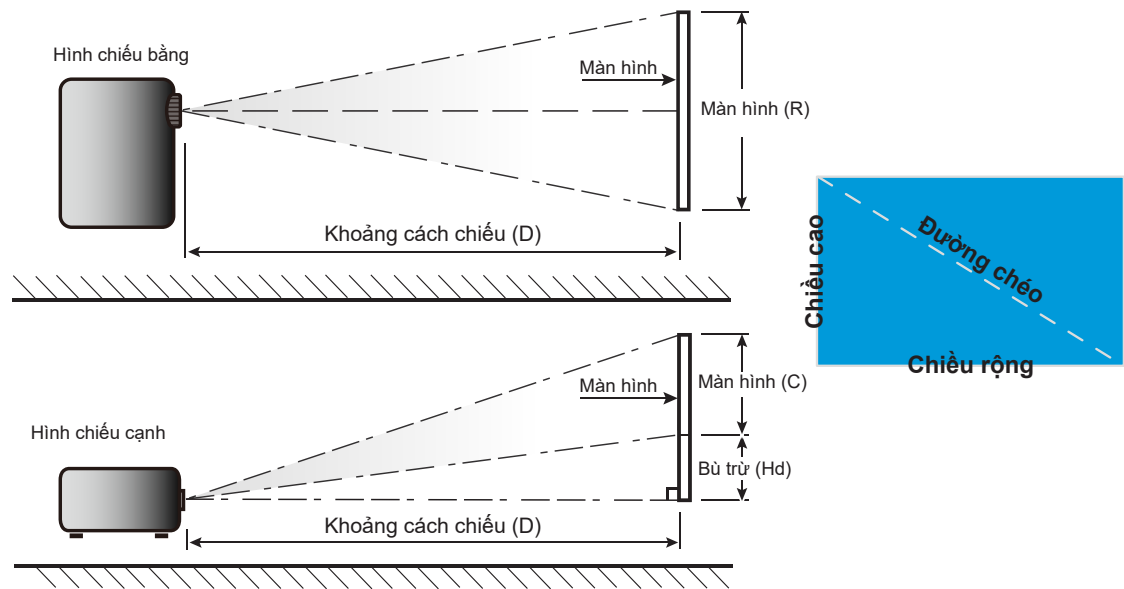
THÔNG TIN BỔ SUNG

Mẫu 1080p độ lệch tâm ngắn

Kích thước độ dài đường chéo màn hình (16:9)	Cỡ màn hình (Rộng x Cao)				Khoảng cách chiếu (D)				Bù trừ (Hd)	
	(m)		(inch)		(m)		(foot)		(m)	(inch)
	Chiều rộng	Chiều cao	Chiều rộng	Chiều cao	Rộng	Xa	Rộng	Xa		
36	0,80	0,45	31,38	17,65	0,40	0,40	Không có	1,31	0,07	2,76
40	0,89	0,50	34,86	19,60	0,40	0,40	1,31	1,31	0,08	3,15
50	1,11	0,62	43,58	24,50	0,50	0,50	1,64	1,64	0,10	3,94
60	1,33	0,75	52,29	29,40	0,70	0,70	2,30	2,30	0,12	4,72
70	1,55	0,87	61,01	34,30	0,80	0,80	2,62	2,62	0,14	5,51
80	1,77	1,00	69,73	39,20	0,90	0,90	2,95	2,95	0,16	6,30
90	1,99	1,12	78,44	44,10	1,00	1,00	3,28	3,28	0,18	7,09
100	2,21	1,25	87,16	49,00	1,10	1,10	3,61	3,61	0,19	7,48
120	2,66	1,49	104,59	58,80	1,30	1,30	4,27	4,27	0,24	9,45
150	3,32	1,87	130,74	73,50	1,60	1,60	5,25	5,25	0,30	11,81
180	3,98	2,24	156,88	88,20	2,00	2,00	6,56	6,56	0,36	14,17
200	4,43	2,49	174,32	98,10	2,20	2,20	7,22	7,22	0,40	15,75
250	5,53	3,11	217,89	122,60	2,70	2,70	8,86	8,86	0,50	19,69
292	6,46	3,64	254,50	143,20	3,20	3,20	10,50	10,50	0,58	22,83

Lưu ý:

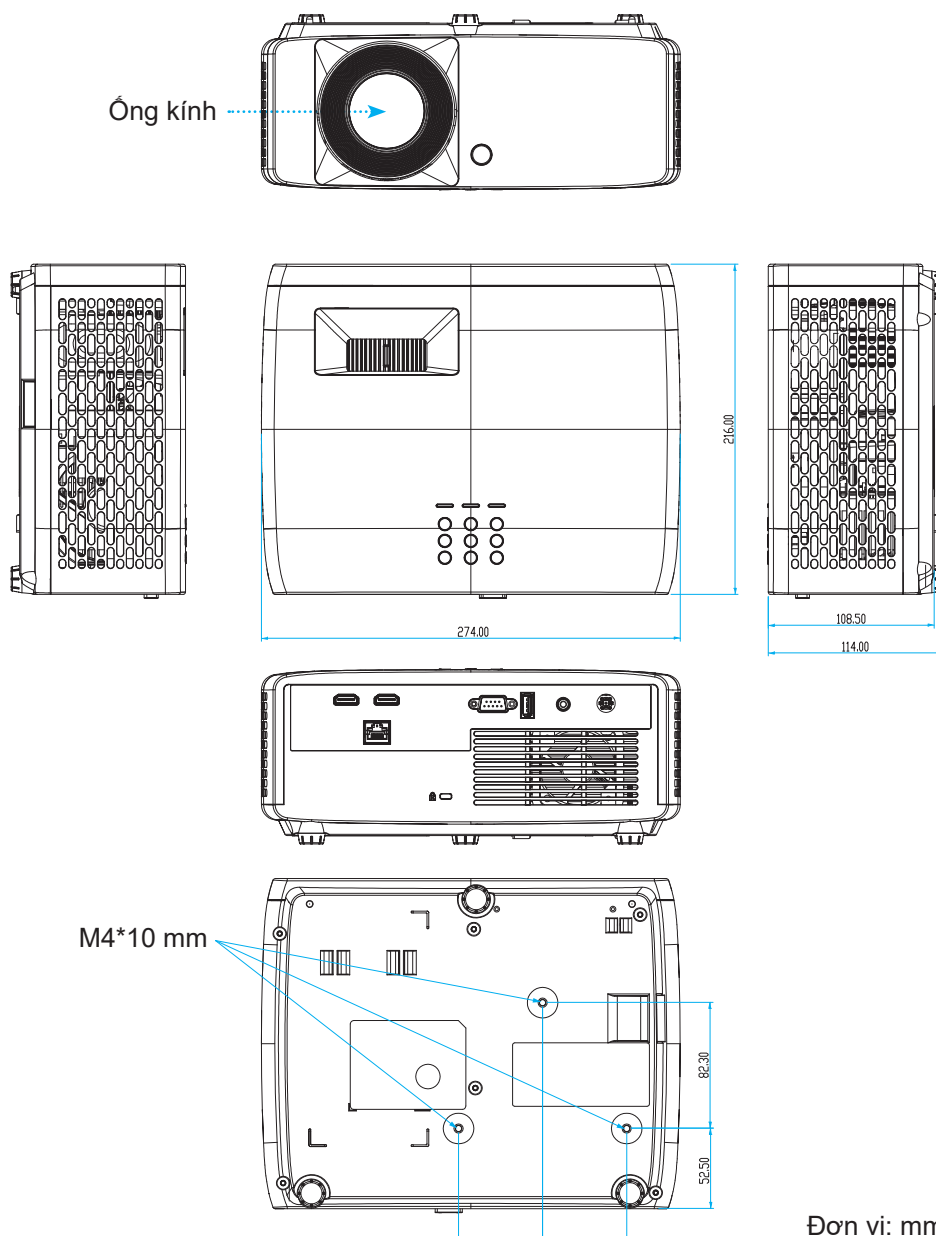
- Tỷ lệ thu phóng: 1,0x
- Giá trị dịch chuyển thấu kính dọc được dựa trên tâm điểm của thấu kính máy chiếu, nếu tính dựa theo tâm điểm của thấu kính máy chiếu. Tất cả các giá trị dịch chuyển thấu kính dọc đều phải thêm 5,2 cm (2,05 inch).



THÔNG TIN BỔ SUNG

Kích thước máy chiếu và lắp đặt giá treo trần

1. Để tránh làm hư hỏng máy chiếu, hãy sử dụng giá treo trần nhà Optoma.
2. Nếu bạn muốn sử dụng bộ giá treo trần từ hãng thứ ba, hãy đảm bảo sử dụng các ốc vít để gắn giá treo vào máy chiếu đáp ứng các thông số kỹ thuật sau:
 - Loại vít: M4*10 mm
 - Chiều dài vít tối thiểu: 10 mm



Lưu ý: Xin lưu ý rằng thiệt hại do lắp đặt máy chiếu không đúng cách sẽ không hưởng được chính sách bảo hành.



Cảnh báo:

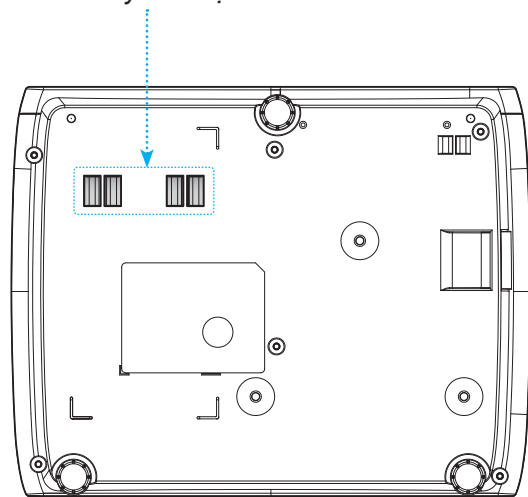
- Nếu bạn mua giá treo trần nhà của công ty khác, hãy nhớ sử dụng đúng cỡ ốc vít. Cỡ ốc vít sẽ thay đổi tùy thuộc vào độ dày của tấm treo.
- Hãy nhớ chừa lại khe hở ít nhất 10 cm giữa trần nhà và đáy của máy chiếu.
- Tránh lắp đặt máy chiếu gần nguồn nhiệt.

THÔNG TIN BỔ SUNG

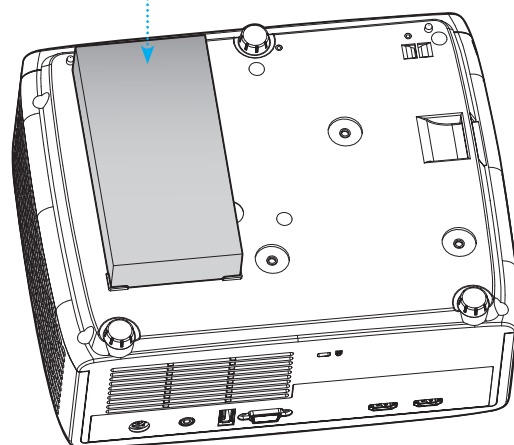
Khi treo trên trần nhà, bạn có thể mua dây rút nhựa có chiều dài hơn 250 mm để cố định adapter AC nếu cần thiết.

1. Hãy thắt dây rút nhựa tại các lỗ chỉ định ở phía dưới máy chiếu. Sau đó đặt adapter AC vào đúng khe.

Lỗ siết dây rút nhựa

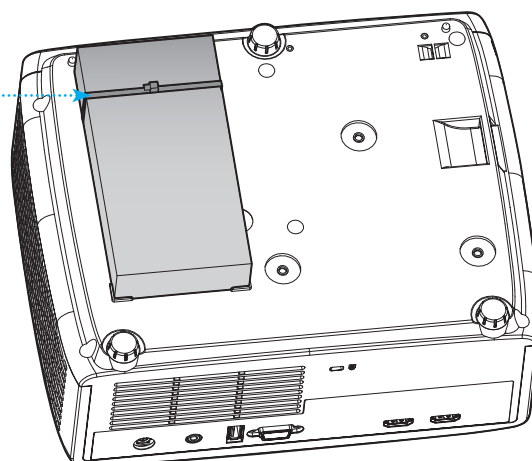


Adapter



2. Cố định adapter AC bằng dây rút nhựa.

Dây rút nhựa



THÔNG TIN BỔ SUNG

Mã điều khiển hồng ngoại



Phím		Định dạng NEC	Mã khách hàng		Mã phím		Mô tả
			Byte 1	Byte 2	Byte 3	Byte 4	
Nguồn		Định dạng 1	32	CD	02	FD	Nhấn để bật/tắt máy chiếu.
Tỉ lệ khung hình		Định dạng 1	32	CD	64	9B	Nhấn để đổi tỷ lệ khung hình của hình ảnh hiển thị.
Nguồn tín hiệu		Định dạng 1	32	CD	C3	3C	Nhấn để chọn tín hiệu đầu vào.
Chế độ		Định dạng 1	32	CD	5	FA	Nhấn để đổi Chế độ hình ảnh của hình ảnh hiển thị.
Bốn phím điều hướng (Lên)		Định dạng 2	32	CD	11	EE	Nhấn để chọn các mục hoặc điều chỉnh lựa chọn của bạn.
Bốn phím chọn điều hướng (Trái)		Định dạng 2	32	CD	10	EF	
Bốn phím chọn điều hướng (Phải)		Định dạng 2	32	CD	12	ED	
Bốn phím chọn điều hướng (Xuống)		Định dạng 2	32	CD	14	EB	
Nhập		Định dạng 1	32	CD	0F	F0	Xác nhận lựa chọn mục của bạn.
Cài đặt / Menu cài đặt		Định dạng 1	32	CD	A8	57	Nhấn để vào Menu cài đặt.
Quay lại		Định dạng 1	32	CD	0D	F2	Nhấn để trở về menu trước.
Menu		Định dạng 1	32	CD	0E	F1	Nhấn để hiển thị hoặc thoát các menu OSD.
Âm lượng -		Định dạng 2	32	CD	8F	70	Nhấn để giảm âm lượng.
Tắt âm		Định dạng 1	32	CD	52	AD	Nhấn để bật/tắt tạm âm thanh.
Âm lượng +		Định dạng 2	32	CD	8C	73	Nhấn để chỉnh tăng âm lượng.
Đóng băng		Định dạng 1	32	CD	06	F9	Nhấn để treo hình máy chiếu.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Phím		Định dạng NEC	Mã khách hàng		Mã phím		Mô tả
			Byte 1	Byte 2	Byte 3	Byte 4	
Điều chỉnh vuông hình		Định dạng 1	32	CD	7	F8	Nhấn để chỉnh độ méo hình do nghiêng máy chiếu.
Chặn AV		Định dạng 1	32	CD	03	FC	Nhấn để ẩn/hiện ảnh màn hình và tắt/bật âm thanh.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Khắc phục sự cố

Nếu bạn gặp một sự cố với máy chiếu, vui lòng tham khảo thông tin dưới đây. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc trung tâm dịch vụ địa phương.

Các sự cố về hình ảnh

-  *Không có hình ảnh trên màn hình*
 - Đảm bảo mọi cáp và kết nối nguồn đều được cắm đúng và chắc chắn như được mô tả trong phần "Cài đặt".
 - Đảm bảo tất cả các chân của đầu nối không bị cong hay gãy.
 - Đảm bảo chưa bật tính năng "Tắt âm".
-  *Hình ảnh lệch tiêu điểm*
 - Xoay vòng lấy nét theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi hình chiếu sắc nét và rõ ràng. (Vui lòng xem trang 18).
 - Đảm bảo màn chiếu nằm giữa khoảng cách yêu cầu với máy chiếu. (Vui lòng tham khảo trang 59~60).
-  *Hình ảnh bị kéo giãn khi hiển thị tiêu đề 16:9 DVD*
 - Khi bạn phát DVD tiệm biến hay DVD 16:9, máy chiếu sẽ hiển thị hình ảnh tốt nhất ở định dạng 16:9 ở bên máy chiếu.
 - Nếu bạn phát tiêu đề DVD định dạng V-Stretch, hãy đổi định dạng sang V-Stretch trong menu OSD của máy chiếu.
 - Nếu bạn phát tiêu đề DVD định dạng 4:3, hãy thay đổi định dạng sang 4:3 trong OSD của máy chiếu.
 - Vui lòng thiết lập định dạng hiển thị là loại tỉ lệ màn hình 16:9 (rộng) trên máy phát DVD.
-  *Hình ảnh quá nhỏ hoặc quá lớn*
 - Hãy xoay vòng chỉnh thu phóng theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để tăng hoặc giảm kích thước hình chiếu. (Vui lòng xem trang 18).
 - Đặt máy chiếu gần hoặc xa màn chiếu hơn.
 - Nhấn "Menu" trên bảng điều khiển máy chiếu, truy cập "HIỂN THỊ → Tỉ lệ khung hình". Thử dùng các cài đặt khác.
-  *Hình ảnh có các mặt nghiêng:*
 - Nếu có thể, chỉnh lại vị trí máy chiếu sao cho nó nằm giữa màn hình và thấp hơn đáy của màn hình.
-  *Hình ảnh bị đảo ngược*
 - Chọn "HIỂN THỊ → Vị trí chiếu" từ menu OSD và điều chỉnh hướng chiếu.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Các sự cố khác



Máy chiếu dừng đáp ứng với mọi điều khiển

- Nếu có thể, hãy tắt máy chiếu, sau đó rút dây nguồn và chờ ít nhất 20 giây trước khi cắm lại nguồn.

Các sự cố về bộ điều khiển từ xa



Nếu điều khiển từ xa không hoạt động

- Kiểm tra xem góc hoạt động của điều khiển từ xa có chứa trong phạm vi $\pm 15^\circ$ sang bộ thu hồng ngoại (IR) trên máy chiếu hay không.
- Đảm bảo không có bất kỳ vật cản nào giữa điều khiển từ xa và máy chiếu. Di chuyển trong phạm vi 6 mét (19,7 foot) so với máy chiếu.
- Đảm bảo pin được lắp đúng cách.
- Thay pin nếu pin đã cạn.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Chỉ báo cảnh báo

Khi các đèn cảnh báo (xem bên dưới) sáng lên hoặc nhấp nháy, máy chiếu sẽ tự động tắt:

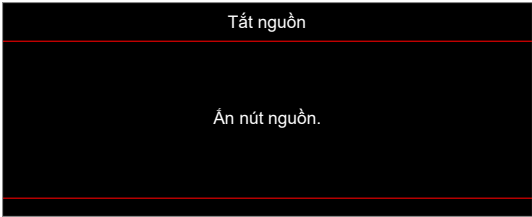
- Chỉ báo LED “Đèn” sáng đỏ và nếu chỉ báo “Nguồn” nhấp nháy màu đỏ.
- Chỉ báo LED “Nhiệt độ” sáng đỏ và nếu chỉ báo “Nguồn” nhấp nháy màu đỏ. Dấu hiệu này cho biết máy chiếu đã quá nóng. Dưới các điều kiện bình thường, máy chiếu có thể được bật trở lại.
- Chỉ báo LED “Nhiệt độ” nhấp nháy màu đỏ và nếu chỉ báo “Nguồn” nhấp nháy màu đỏ.

Rút dây nguồn khỏi máy chiếu, đợi 30 giây rồi thử lại. Nếu đèn cảnh báo sáng lên hoặc nhấp nháy, vui lòng liên hệ với trung tâm bảo hành gần nhất để được trợ giúp.

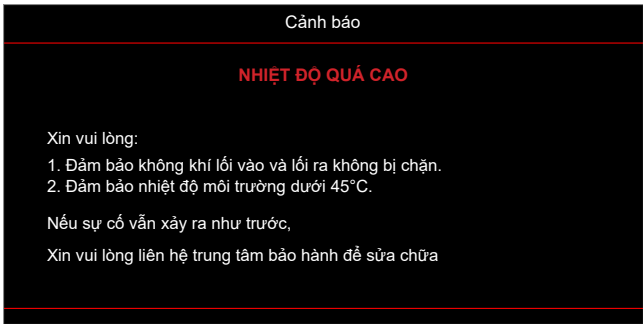
Thông báo sáng đèn LED

Tin nhắn	Đèn LED NGUỒN		Đèn LED nhiệt độ	Đèn LED bóng đèn
	(Đỏ)	(Lục hoặc Lam)	(Đỏ)	(Đỏ)
Trạng thái chờ (Dây nguồn đầu vào)	Sáng ổn định			
Nguồn bật (Làm nóng)		Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/bật 0,5 giây)		
Bật nguồn và Ánh sáng đèn		Sáng ổn định		
Nguồn tắt (Làm nguội)		Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/bật 0,5 giây). Trở về đèn đỏ ổn định khi quạt làm nguội tắt.		
Lỗi (Đèn hồng)	Nhấp nháy			Sáng ổn định
Lỗi (Quạt hồng)	Nhấp nháy		Nhấp nháy	
Lỗi (Quá nhiệt)	Nhấp nháy		Sáng ổn định	

- Tắt nguồn:



- Cảnh báo nhiệt độ:



THÔNG TIN BỔ SUNG

Thông số kỹ thuật

Mục		Mô tả
Công nghệ		- WXGA: Texas Instrument DMD, 0,65" S450 DMD 1080p: Texas Instrument DMD, 0,65" S600 DMD
Độ phân giải gốc		- WXGA: 1280 x 800 1080p: 1920 x 1080
Ống kính	Tỷ lệ lệch tâm chuẩn	- WXGA: 1,187~1,544 1080p: 1,13~1,47
	Khẩu độ	2,43~2,78
	Tiêu cự:	16,9~21,61mm
	Phạm vi thu phóng:	1,3x
Độ lệch		- WXGA: 112% tại 60", dung sai $\pm 5\%$ 1080p: 116% tại 60", dung sai $\pm 5\%$
Kích cỡ ảnh		- WXGA: Tối ưu góc rộng 60" tại 1,53m 1080p: Tối ưu góc rộng 60" tại 1,5m
Khoảng cách chiếu		- WXGA: Cơ chế di chuyển 1,2m đến 7,7m, phạm vi quang học tối ưu 1,3m đến 3m 1080p: Cơ chế di chuyển 1m đến 8m, phạm vi quang học tối ưu 1,3m đến 3m
Cổng I/O		- HDMI 1 - Mẫu WXGA: HDMI 1.4b, HDCP 2.0 - Mẫu 1080p: HDMI 2.0, HDCP 2.2 - HDMI 2 - Mẫu WXGA: HDMI 1.4b, HDCP 2.0 - Mẫu 1080p: HDMI 2.0, HDCP 2.2 - Cổng USB-A dùng cho nguồn USB 5V/1,5A và để nâng cấp firmware. - Đầu ra âm thanh 3,5mm - RS232 - LAN
Màu sắc		1073,4 triệu màu
Tốc độ quét		- Tốc độ dò ngang: 15KHz ~ 140KHz - Tốc độ dò dọc: 24Hz ~ 120Hz
Loa		15W
Tiêu thụ điện năng		- Chế độ tiết kiệm 160W (thông thường) tại 110VAC; 158W tại 220VAC - Chế độ sáng: 225W (thông thường) tại 110VAC; 220W tại 220VAC
Dòng điện vào		DC 19,5V, 10,5A
Hướng lắp đặt		Mặt trước, Phía sau, Trần, Phía sau-phía trên
Kích thước (Rộng x Dày x Cao)		- Không có chân đế: 274 x 216 x 108,5 mm - Có chân đế: 274 x 216 x 114 mm
Trọng lượng		2,9 $\pm$ 0,2 kg
Môi trường		Hoạt động ở 0~40°C, độ ẩm 80%(tối đa, không ngưng tụ)

Lưu ý: Mọi thông số kỹ thuật chịu sự thay đổi mà không cần thông báo.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Văn phòng toàn cầu của Optoma

Để được bảo dưỡng hoặc hỗ trợ, vui lòng liên hệ với văn phòng địa phương.

Hoa Kỳ

Optoma Technology, Inc.
47697 Westinghouse Drive.
Fremont, Ca 94539

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com

Canada

Optoma Technology, Inc.
47697 Westinghouse Drive.
Fremont, Ca 94539

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com

Châu Mỹ Latin

Optoma Technology, Inc.
47697 Westinghouse Drive.
Fremont, Ca 94539

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com

Châu Âu

Unit 1, Network 41, Bourne End Mills
Hemel Hempstead, Herts,
HP1 2UJ, United Kingdom
www.optoma.eu
Điện thoại bảo hành:
+44 (0)1923 691865

 +44 (0) 1923 691 800
 +44 (0) 1923 691 888
 service@tsc-europe.com

Benelux BV

Randstad 22-123
1316 BW Almere
The Netherlands
www.optoma.nl

 +31 (0) 36 820 0252
 +31 (0) 36 548 9052

Pháp

Bâtiment E
81-83 avenue Edouard Vaillant
92100 Boulogne Billancourt, France

 +33 1 41 46 12 20
 +33 1 41 46 94 35
 savoptoma@optoma.fr

Spain

C/ José Hierro, 36 Of. 1C
28522 Rivas VaciaMadrid,
Spain

 +34 91 499 06 06
 +34 91 670 08 32

Đức

Am Nordpark 3
41069 Mönchengladbach
Germany

 +49 (0) 2161 68643 0
 +49 (0) 2161 68643 99
 info@optoma.de

Scandinavia

Lerpeveien 25
3040 Drammen
Norway

 +47 32 98 89 90
 +47 32 98 89 99
 info@optoma.no

PO.BOX 9515
3038 Drammen
Norway

Hàn Quốc

<https://www.optoma.com/kr/>

Nhật Bản

<https://www.optoma.com/jp/>

Đài Loan

<https://www.optoma.com/tw/>

Trung Quốc

Room 2001, 20F, Building 4,
No.1398 Kaixuan Road,
Changning District
Shanghai, 200052, China

 +86-21-62947376
 +86-21-62947375
www.optoma.com.cn

Úc

<https://www.optoma.com/au/>

